

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG
BAN CHỈ ĐẠO VỀ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ
CHUYỂN ĐỔI SỐ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Lâm Đồng, ngày 19 tháng 6 năm 2026

Số -BC/BCĐ

BÁO CÁO

**tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị
sau 1 năm 6 tháng triển khai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Thực hiện Công văn số 2787-CV/VPTW, ngày 03/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số “*về việc báo cáo và tự đánh giá kết quả thực hiện phục vụ Hội nghị sơ kết 1 năm 6 tháng triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị*”;

Ban Chỉ đạo tỉnh Lâm Đồng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị sau 1 năm 6 tháng triển khai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng như sau:

Phần 1

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Sau 1 năm 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, tỉnh Lâm Đồng đã tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức, phương thức quản trị và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gắn với trách nhiệm người đứng đầu và trở thành một trong những động lực quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tỉnh tiếp tục duy trì, khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung và Trung tâm điều hành thông minh (IOC); đồng thời triển khai đồng bộ các nhiệm vụ theo Đề án 06 và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng. Các cơ quan, đơn vị đã đẩy mạnh xây dựng, chuẩn hóa và kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng cường chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành. Các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, du lịch thông minh, thương mại điện tử và thanh toán số ngày càng được quan tâm triển khai; doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân từng bước nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.

So với trước khi có Nghị quyết 57-NQ/TW, chuyển biến quan trọng nhất là sự thay đổi về nhận thức và phương thức lãnh đạo, chỉ đạo đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, được đưa vào chương trình công tác của cấp ủy, chính quyền các cấp và gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

Đến nay, nhiều nhiệm vụ cơ bản đã đạt được những kết quả nổi bật, đó là Lâm Đồng tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những địa phương đi đầu cả nước về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với khoảng 107.306 ha canh tác ứng dụng công nghệ cao, chiếm khoảng 40% diện tích gieo trồng; trong đó có 1.200 ha nông nghiệp thông minh ứng dụng Internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI). Toàn tỉnh có 10 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao được công nhận và 17 vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tập trung, từng bước phát triển theo hướng chuyên canh hiện đại, liên kết chuỗi giá trị và thích ứng với biến đổi khí hậu. Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo bước đầu hình thành với 16 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 57 tổ chức khoa học và công nghệ, 33 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, 02 quỹ hỗ trợ, 03 trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, 01 vườn ươm.

Tỉnh đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành và giám sát nhiệm vụ trên môi trường số (*phát triển, ứng dụng các hệ thống, phần mềm như: Hệ thống quản lý nhiệm vụ của UBND tỉnh, hệ thống quản lý dự án đầu tư công và đầu tư ngoài ngân sách, hệ thống quản lý giải phóng mặt bằng...*); 100% các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ cấp tỉnh đến cấp xã; các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng văn bản điện tử ký số, tỷ lệ hồ sơ xử lý trên môi trường mạng đạt trên 95%. Hệ thống hội nghị truyền hình được triển khai đến 248 điểm cầu cấp xã; hệ thống quản lý điều hành văn bản triển khai cho 304 cơ quan, đơn vị với 35.000 tài khoản. Hạ tầng số được quan tâm phát triển: phủ sóng di động 100% trung tâm khu dân cư; tốc độ mạng 5G đạt khoảng 150 Mb/s.

Tuy nhiên việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số khó khăn, điểm nghẽn lớn:

- Hạ tầng số và nền tảng dữ liệu chưa đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh sau sáp nhập; nhiều hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được hình thành từ các địa phương trước đây còn phân tán, chưa liên thông đầy đủ, làm hạn chế khả năng chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành.

- Chất lượng nguồn nhân lực số chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mới, đặc biệt tại cấp cơ sở; đội ngũ cán bộ có khả năng tham mưu, tổ chức triển khai các nhiệm vụ về dữ liệu, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo còn thiếu, chưa đồng đều giữa các địa bàn.

- Hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp còn hạn chế, chủ yếu tập trung ở các doanh nghiệp lớn; phần lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa còn gặp khó khăn về nguồn lực đầu tư, nhân lực công nghệ và khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ.

- Cơ chế khai thác, sử dụng và chia sẻ dữ liệu chưa thực sự hoàn thiện, dữ liệu chưa trở thành nguồn lực phục vụ hiệu quả công tác quản trị, dự báo và ra quyết định; việc hình thành các mô hình kinh tế số dựa trên dữ liệu còn chậm.

(Phụ lục I kèm theo)

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Những kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp trong tỉnh đã được tham gia Hội nghị trực tuyến toàn quốc học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW¹. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị, địa phương và đông đảo các tầng lớp Nhân dân thường xuyên được nghiên cứu, phổ biến các nội dung trọng tâm của Nghị quyết thông qua hệ thống phát thanh, truyền hình và trên nền tảng mạng xã hội,... Các đảng bộ, chi bộ tổ chức lồng ghép trong các hội nghị, sinh hoạt cấp ủy, chi bộ để phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW².

Đến nay, Ban Chỉ đạo của tỉnh đã tổ chức 03 hội nghị để lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện; đặc biệt tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm 2026 về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát động phong trào thi đua thực hiện “Bình dân học vụ số” (ngày 16/3/2026), Ban Chỉ đạo tỉnh đã tiếp tục quán triệt các quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh đến các sở, ngành và địa phương.

Qua đó, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có chuyển biến rõ, tạo sự thống nhất trong hệ thống chính trị; phong trào thi đua được phát động kịp thời, tạo động lực thúc đẩy các cấp, các ngành chủ động triển khai nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn.

1.2. Các văn bản đã ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương

Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy lãnh đạo, thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh; ban hành quy chế làm việc, chương trình công tác và các kế hoạch triển khai trọng tâm bảo đảm bám sát chỉ đạo của Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh³. UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo; ban hành quy chế hoạt

¹ Cụ thể: Tại Lâm Đồng (cũ) 150 điểm cầu, 7.717 đại biểu; Bình Thuận (cũ) 139 điểm cầu, 7.898 đại biểu; Đắk Nông (cũ) 40 điểm cầu, 4.500 đại biểu tham dự.

² Gồm: Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 12/12/2025 về phát động thi đua thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số”; Hướng dẫn số 08-HD/BTGDVTU ngày 14/01/2026 về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”; Hướng dẫn số 06-HD/BTGDVTU ngày 16/12/2025 về tổ chức sinh hoạt chuyên đề “Đảng viên tiên phong học tập kỹ năng số” và Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 28/01/2026 về tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với phong trào “Bình dân học vụ số” và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng năm 2026

³ BTV Tỉnh ủy thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo tỉnh tại Quyết định số 100-QĐ/TU, ngày 06/8/2025, Quyết định số 258-QĐ/TU, ngày 21/11/2025; Quy chế số 01-QC/BCĐ, ngày 30/9/2025 về quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo; thành lập và kiện toàn Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo tại Quyết định số 01-QĐ/BCĐ và Quyết định số 03-QĐ/BCĐ, ngày 20/3/2026; Thông báo số 02-TB/BCĐ, ngày 30/9/2025 về phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh; Chương trình số 01-CTr/BCĐ, ngày 30/9/2025 về Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo; Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 29/8/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 13-KH/TU, ngày 08/12/2025 về triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh; Quyết định số 02-QĐ/BCĐ, ngày 04/12/2025 của Ban Chỉ đạo về việc Quy chế phối hợp

động, kiện toàn các Tổ Giúp việc và xây dựng các kế hoạch triển khai, gắn với phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị; qua đó cơ bản bảo đảm điều kiện tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao⁴.

Hệ thống văn bản của tỉnh được xây dựng và triển khai theo nguyên tắc “6 rõ” (*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền*), góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, tạo cơ sở pháp lý và động lực thực tiễn để triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với các nghị quyết, chương trình, đề án trọng điểm của tỉnh, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong chỉ đạo, điều hành, hạn chế chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ; công tác phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được tăng cường; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành từng bước được phát huy; việc giao nhiệm vụ theo hướng rõ người, rõ việc, rõ sản phẩm, rõ tiến độ; đồng thời đẩy mạnh phối hợp giữa các cơ quan tham mưu, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả triển khai Nghị quyết trong thực tiễn.

(Phụ lục II kèm theo)

1.3. Công tác kiểm tra, giám sát

Sau Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa và năm 2026 với những nội dung kiểm tra, giám sát trọng tâm, sát với tình hình thực tế của địa phương, bao quát trên các mặt công tác xây dựng Đảng và các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội, chủ yếu tập trung vào các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận lớn của Trung ương, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Theo đó, trong quý III/2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ thành lập 02 Đoàn giám sát do các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn tiến hành giám sát đối với 06 tổ chức đảng và người đứng đầu tổ chức đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và

triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” tỉnh Lâm Đồng; Kế hoạch số 04-KH/TU, ngày 17/10/2025 của BTV Tỉnh ủy triển khai Thông báo số 07-TB/CQTTCĐ, ngày 15/10/2025 của Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo Trung ương; Chương trình số 01-CTr/BCĐ, ngày 20/3/2026 về Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo; Kế hoạch số 22-KH/TU, ngày 14/01/2026 triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 44-KH/TU, ngày 13/3/2026 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 22-KH/TU.

⁴ UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo tại Quyết định số 378/QĐ-UBND, ngày 11/7/2025; Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo tại Quyết định số 688/QĐ-UBND, ngày 08/8/2025; thành lập 03 Tổ Giúp việc về phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Quyết định số 1266/QĐ-BCĐ, ngày 11/9/2025; Quyết định số 1271/QĐ-BCĐ, ngày 11/9/2025 về triển khai Đề án 06; Quyết định số 1281/QĐ-BCĐ, ngày 11/9/2025 về cải cách hành chính; Kế hoạch số 5039/KH-UBND, ngày 10/10/2025 về triển khai Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch hành động số 2367/KH-BCĐ ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo về triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương; Kế hoạch số 6456/KH-UBND, ngày 03/11/2025 của UBND tỉnh triển khai Kế hoạch số 04-KH/TU, ngày 17/10/2025 của BTV Tỉnh ủy; Kế hoạch số 3450/KH-UBND, ngày 17/3/2026 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026; Kế hoạch số 3629/KH-UBND, ngày 20/3/2026 điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch số 5039/KH-UBND, ngày 10/10/2025 của UBND tỉnh về triển khai Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 29/8/2025 của BTV Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Kế hoạch số 3450/KH-UBND ngày 17/3/2026, Kế hoạch số 5910/KH-UBND ngày 29/4/2026 để tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trong năm 2026.

tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Chương trình công tác kiểm tra, giám sát năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban của Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, đảng ủy các xã, phường, đặc khu và cơ quan có liên quan căn cứ quy định Điều lệ Đảng và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát năm 2026. Đến nay, Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp trong tỉnh đã xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát năm 2026 bám sát nhiệm vụ chính trị, phù hợp với đặc điểm mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy. Nắm tình hình, kiểm tra, giám sát người đứng đầu, cán bộ chủ chốt của địa phương, đơn vị; những lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận có ảnh hưởng quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đảng, hệ thống chính trị, các khâu đột phá, công trình trọng điểm của địa phương, đơn vị.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy cũng đã ban hành Chương trình công tác kiểm tra, giám sát năm 2026, trong đó dự kiến trong quý IV/2026 sẽ tiến hành giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đối với 02 tổ chức đảng và 02 đảng viên là người đứng đầu.

Ban Chỉ đạo tỉnh thường xuyên khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; theo dõi tiến độ, phát hiện kịp thời các nhiệm vụ chậm cập nhật, chậm triển khai; đồng thời ban hành văn bản đôn đốc hoặc yêu cầu đơn vị giải trình, bổ sung thông tin khi cần thiết.

Việc cập nhật tiến độ và kết quả thực hiện trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện NQ57 (<https://theodoing.dcs.vn>) được các cơ quan, đơn vị thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế số 02-QC/BCĐTW, ngày 10/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Các cơ quan, đơn vị cơ bản đã thực hiện cập nhật đầy đủ các trường thông tin bắt buộc, bảo đảm tính kịp thời, chính xác, đồng bộ giữa tiến độ thực tế và tiến độ trên hệ thống; đồng thời duy trì việc rà soát, bổ sung dữ liệu theo định kỳ hằng ngày, hằng tháng và đột xuất của Ban Chỉ đạo tỉnh.

2. Về việc thực thi nhiệm vụ được giao

2.1. Kết quả thực hiện năm 2025

2.1.1. Về thực hiện các nhiệm vụ được giao

Tổng số nhiệm vụ được giao trên Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW phải thực hiện trong năm 2025 là 170 nhiệm

vụ, địa phương đã hoàn thành 170/170 nhiệm vụ. Cụ thể:

- Về thực hiện Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư: Tổng số nhiệm vụ được giao là 09 nhiệm vụ; đã hoàn thành 09/09 nhiệm vụ.

- Về triển khai nhiệm vụ Thông báo kết luận thực hiện Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư: Tổng số nhiệm vụ được giao là 12 nhiệm vụ; đã hoàn thành 12/12 nhiệm vụ.

- Về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/CP của Chính phủ để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị: Tổng số nhiệm vụ được giao là 19 nhiệm vụ; đã hoàn thành 19/19 nhiệm vụ.

- Về thực hiện các Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị: Tổng số nhiệm vụ được giao là 105 nhiệm vụ; đã hoàn thành 105/105 nhiệm vụ.

- Về thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương: Tổng số nhiệm vụ được giao là 25 nhiệm vụ; đã hoàn thành 25/25 nhiệm vụ.

2.1.2. Về thực hiện các chỉ tiêu

Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra 47 chỉ tiêu cần đạt được trong năm 2025. Kết quả: 40/47 chỉ tiêu đạt và vượt so với Kế hoạch (gồm 17/47 chỉ tiêu vượt kế hoạch), 07 chỉ tiêu chưa đạt yêu cầu.

Triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương, tỉnh đã tổ chức triển khai đồng bộ, xuyên suốt trong cả 04 khối của hệ thống chính trị (Đảng ủy, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc) từ cấp tỉnh đến cấp xã, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện; hoàn thành 100% các chỉ tiêu theo yêu cầu của Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Cụ thể: Cấp tỉnh hoàn thành 117 chỉ tiêu (gồm: Đảng ủy 32 chỉ tiêu, HĐND 22 chỉ tiêu, UBND 32 chỉ tiêu, Mặt trận Tổ quốc 31 chỉ tiêu); cấp xã hoàn thành 108 chỉ tiêu (Giai đoạn 1 hoàn thành 16 chỉ tiêu, Giai đoạn 2 hoàn thành 92 chỉ tiêu, gồm: Đảng ủy 18 chỉ tiêu, HĐND 17 chỉ tiêu, UBND 34 chỉ tiêu, Mặt trận Tổ quốc 23 chỉ tiêu).

2.2. Kết quả thực hiện năm 2026

2.2.1. Về thực hiện các nhiệm vụ được giao

Tổng số 264 nhiệm vụ, trong đó: 157 nhiệm vụ đã hoàn thành (143 nhiệm vụ hoàn thành trong hạn, 14 nhiệm vụ hoàn thành quá hạn); 106 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn và 01 nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành⁵.

2.2.2. Về thực hiện các chỉ tiêu

⁵ Nhiệm vụ: Nghiên cứu xây dựng Chương trình, Kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển. Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh dự thảo Kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số 2376/TTr-SKH-CN ngày 07/6/2026.

Kế hoạch số 22-KH/TU, Kế hoạch số 44-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra 55 chỉ tiêu. Đến nay đã hoàn thành 30/55 chỉ tiêu, trong đó có 14 chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra; còn 25/55 chỉ tiêu đang triển khai theo lộ trình và tập trung giải pháp để hoàn thành trong năm 2026.

Thực hiện yêu cầu của Văn phòng Trung ương Đảng tại Công văn số 2085-CV/VPTW, ngày 29/4/2026 và Công văn số 2203-CV/VPTW, ngày 06/5/2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phân công cụ thể cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong triển khai thực hiện, theo dõi và cập nhật các chỉ số được giao trên **Hệ thống theodoing.dcs.vn** với 38 Bộ chỉ số (12 chỉ số tháng, 24 chỉ số quý và 02 chỉ số năm); đã đạt 15/38 chỉ số, còn 23/38 chỉ số đang tiếp tục triển khai thực hiện theo lộ trình năm 2026.

2.3. Đánh giá chung

Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và các nhiệm vụ được Trung ương giao trên địa bàn tỉnh được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ngày càng quyết liệt, thực chất; vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu được phát huy rõ nét. Việc theo dõi, giám sát, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số từng bước đi vào nền nếp, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng thực thi công vụ.

Nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được nâng lên; việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị ngày càng được mở rộng, tạo chuyển biến tích cực trong cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Tuy nhiên, một số nhiệm vụ, chỉ tiêu còn gặp khó khăn do yêu cầu kỹ thuật cao, phụ thuộc vào tiến độ hoàn thiện các nền tảng, cơ sở dữ liệu và hướng dẫn của Trung ương; chất lượng triển khai giữa các địa phương, đơn vị chưa thật sự đồng đều. Nguồn nhân lực và nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở một số lĩnh vực vẫn còn hạn chế.

3. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP)

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức tiếp nhận, phân loại và xử lý kịp thời các nội dung PAKN, SKGP thông qua Hệ thống pakn.nq57.vn và các kênh liên quan theo đúng quy định.

Đến thời điểm báo cáo, tổng số PAKN, SKGP đã tiếp nhận và xử lý, trả lời 27/27 nội dung (đạt 100%). Các nội dung PAKN, SKGP chủ yếu tập trung vào: Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực phục vụ KHCN, ĐMST và CDS; kiến nghị đầu tư, nâng cấp máy móc, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đề xuất đầu tư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành. Kết quả xử lý các PAKN, SKGP đã góp phần tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc trong

thực tiễn triển khai, đồng thời cung cấp thêm thông tin đầu vào phục vụ công tác nghiên cứu, hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển KH-CN, ĐMST và CDS trên địa bàn tỉnh.

(Phụ lục III kèm theo)

II. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

Công tác hoàn thiện thể chế, chính sách trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã được triển khai đồng bộ, bám sát chỉ đạo của Trung ương và yêu cầu thực tiễn. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật từng bước được rà soát, điều chỉnh, góp phần bảo đảm tính thống nhất, liên tục trong quản lý nhà nước, nhất là trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trước sáp nhập là 60 văn bản, gồm 16 Nghị quyết của HĐND tỉnh, 40 quyết định và 02 chỉ thị của UBND tỉnh. Trên cơ sở đó, tỉnh đã xem xét việc tiếp tục áp dụng, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản nhằm bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đặc biệt trong bối cảnh sáp nhập tỉnh.

Năm 2025, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 21/NQ-HĐND, ngày 28/8/2025 quy định việc cho phép áp dụng hoặc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND các tỉnh Lâm Đồng (*cũ*), Bình Thuận (*cũ*) và Đắk Nông (*cũ*) ban hành trước khi sáp nhập địa giới hành chính. Theo đó, có 06 Nghị quyết của HĐND 03 tỉnh ban hành về lĩnh vực khoa học và công nghệ tiếp tục được áp dụng trên phạm vi tỉnh Lâm Đồng (*mới*) và các tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng, Đắk Nông (*cũ*)⁶.

Năm 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND, ngày 12/5/2026 quy định nội dung, mức chi quản lý và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND, ngày 12/5/2026 quy định nội dung và mức chi một số hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 09/2026/QĐ-UBND, ngày 02/02/2026 của

⁶ **Các Nghị quyết được áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh Lâm Đồng (mới):** (1) Nghị quyết số 109/2022/NQ-HĐND, ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước; (2) Nghị quyết số 417/2025/NQ-HĐND, ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lâm Đồng; (3) Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND, ngày 20/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định mức chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; (4) Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND, ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Các Nghị quyết được áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh tỉnh Lâm Đồng (cũ): (5) Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND, ngày 01/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh; (6) Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND, ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định về chính sách hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thông qua chủ trương thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025.

UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Triển khai Nghị định số 133/2025/NĐ-CP, ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định công bố, chuẩn hóa và tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh⁷. UBND tỉnh đã ủy quyền giải quyết 145 thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ; viễn thông và Internet; tần số vô tuyến điện⁸ (*Phụ lục IV kèm theo*).

III. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

1. Khối các cơ quan Đảng

1.1. Kết quả nổi bật

Công tác chuyển đổi số trong khối cơ quan Đảng tiếp tục được Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, gắn với yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tham mưu, điều hành của hệ thống cấp ủy các cấp. Đến nay, khối cơ quan Đảng đã cơ bản hoàn thành giai đoạn thiết lập hạ tầng số, bảo đảm kết nối liên thông và an toàn thông tin, từng bước chuyển sang giai đoạn vận hành ổn định các hệ thống và số hóa quy trình công tác trên môi trường mạng. Bước đầu hình thành môi trường làm việc số trong các cơ quan Đảng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành.

- *Hạ tầng số phục vụ hoạt động của cơ quan Đảng*: Hạ tầng số trong khối cơ quan Đảng tiếp tục được đầu tư, nâng cấp theo hướng đồng bộ, an toàn, ổn định, đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường số và bảo đảm an toàn thông tin trong toàn bộ hoạt động của hệ thống cấp ủy. Trung tâm dữ liệu của Tỉnh ủy được tăng cường năng lực hạ tầng máy chủ, lưu trữ và bảo mật, bảo đảm vận hành ổn định các hệ thống dùng chung và các phần mềm do Trung ương chuyển

⁷ UBND tỉnh ban hành các Quyết định: Quyết định số 1396/QĐ-UBND, ngày 26/6/2025 tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; Quyết định số 1443/QĐ-UBND, ngày 27/6/2025 công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong các lĩnh vực Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng và hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 410/QĐ-UBND, ngày 22/7/2025 phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền cấp tỉnh.

⁸ UBND tỉnh ban hành các Quyết định: Quyết định số 957/QĐ-UBND, ngày 28/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 1944/QĐ-UBND, ngày 31/10/2025 về ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực: Sở hữu trí tuệ; an toàn bức xạ và hạt nhân; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ; viễn thông và internet; tần số vô tuyến điện thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 1945/QĐ-UBND, ngày 31/10/2025 của UBND tỉnh về ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh; Quyết định số 1946/QĐ-UBND, ngày 31/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 2792/QĐ-UBND, ngày 08/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

giao; đồng thời phục vụ hiệu quả công tác số hóa tài liệu (với 344.606 tài liệu, 1.245.389 trang) trong toàn khối Đảng, từng bước hình thành kho dữ liệu tập trung phục vụ khai thác, tra cứu và điều hành.

- *Bảo đảm an toàn thông tin và kết nối liên thông*: 100% cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cấp xã, tích hợp giải pháp bảo mật của cơ yếu để phục vụ xử lý văn bản mật, tối mật trên môi trường mạng. Công tác bảo đảm an toàn thông tin được triển khai đồng bộ với việc đưa vào sử dụng 295 thiết bị bảo mật kênh truyền BML và 3.575 thiết bị Etoken, 1300 thiết bị lưu trữ DC 02 bảo đảm xác thực, ký số và an toàn trong giao dịch điện tử. Hệ thống thông tin trong khối Đảng cơ bản bảo đảm 3 yêu cầu: Kết nối thông suốt - xác thực an toàn - kiểm soát tập trung, tạo nền tảng cho vận hành hệ thống điều hành số thống nhất.

- *Trang thiết bị và điều kiện làm việc số*: Các cơ quan, đơn vị trong khối Đảng đã được trang bị tương đối đầy đủ thiết bị phục vụ chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường điện tử. Tại bộ phận văn thư, bố trí tối thiểu 02 máy tính phục vụ xử lý văn bản trên môi trường mạng mật và Internet theo quy định tách biệt hệ thống. Đã đưa vào sử dụng 85 bộ máy tính đa giao diện phục vụ cán bộ, công chức tại các cơ quan Đảng cấp tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc trên môi trường số và giảm dần xử lý thủ công.

- *Hạ tầng hội nghị trực tuyến và điều hành tập trung*: Hạ tầng hội nghị trực tuyến trong khối Đảng được duy trì, mở rộng kết nối đến 124 xã, phường, đặc khu, phục vụ hiệu quả công tác hội họp, giao ban, quán triệt và chỉ đạo, điều hành từ tỉnh đến cơ sở. Hiện nay, Văn phòng Tỉnh ủy đang phối hợp với các địa phương triển khai hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến mật trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng.

- *Ứng dụng nền tảng số và số hóa quy trình công tác*: 100% cơ quan Đảng và Nhà nước từ tỉnh đến cấp xã đã được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm thống nhất hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị; 100% cơ quan, đơn vị khối Đảng đã triển khai hệ thống thông tin điều hành, tác nghiệp, phục vụ xử lý văn bản điện tử có tích hợp chữ ký số trong mạng của Đảng, ứng dụng Sổ tay Đảng viên, triển khai thực hiện 04 TTHC của Đảng trên môi trường điện tử. Công tác xử lý văn bản mật trên môi trường mạng được triển khai đồng bộ theo đúng quy định, từng bước hình thành phương thức làm việc điện tử trong hệ thống cơ quan Đảng. Phòng họp không giấy phục vụ các Hội nghị của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy bước đầu đã có hiệu quả tích cực, được nhiều địa phương trong tỉnh áp dụng, triển khai đồng bộ.

- *Về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong khối Đảng*: Văn phòng Tỉnh ủy đã bước đầu nghiên cứu, thử nghiệm và từng bước ứng dụng một số giải pháp AI phục vụ công tác tham mưu, tổng hợp, xử lý thông tin và điều hành trong các cơ quan Đảng. Hiện nay đang phối hợp với Viettel triển khai thử nghiệm trợ lý ảo hỗ trợ tổng hợp tài liệu, xây dựng báo cáo, dự thảo văn bản và hỗ trợ tra cứu thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; đồng thời thử nghiệm giải pháp chuyển giọng nói thành văn bản phục vụ tổng hợp nội dung các cuộc họp, hội nghị. Bên cạnh đó, một số cơ quan, đơn vị đã chủ động nghiên cứu, phát triển và đưa vào

vận hành các nền tảng, ứng dụng số phục vụ công tác Đảng như: Ứng dụng “Đại hội số”, trợ lý ảo chuyên ngành công tác Đảng (LaDo-AI), hệ thống giám sát, đánh giá hiệu suất công việc ứng dụng AI, hệ thống kiểm tra trực tuyến, giám sát dư luận xã hội trên không gian mạng và các công cụ hỗ trợ soạn thảo văn bản, tổng hợp, phân tích dữ liệu. Các giải pháp này bước đầu phát huy hiệu quả trong quản lý, điều hành, theo dõi nhiệm vụ, cung cấp thông tin phục vụ cán bộ, đảng viên và góp phần thúc đẩy đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo trên nền tảng dữ liệu số.

1.2. Một số điểm nghẽn và vướng mắc, khó khăn

Sự ổn định của các hệ thống chưa cao, đôi khi xảy ra tình trạng truy cập chậm hoặc gián đoạn kết nối giữa các cấp; một số phần mềm chuyên ngành còn lỗi kỹ thuật, giao diện chưa thực sự thân thiện, gây khó khăn cho người trực tiếp thao tác; việc đồng bộ, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị đôi lúc còn độ trễ, chưa đảm bảo tính thời gian thực.

Nguyên nhân, khối lượng dữ liệu cần xử lý và số hóa sau khi sáp nhập 3 tỉnh là rất lớn, tạo áp lực lên hạ tầng kỹ thuật hiện có; hạ tầng kỹ thuật tại một số đơn vị cấp dưới chưa được đầu tư đồng bộ, tương xứng với yêu cầu của chính quyền 02 cấp; kỹ năng ứng dụng công nghệ của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa thích nghi kịp với các phần mềm quản lý mới; các hệ thống phần mềm do Trung ương chuyên giao vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, còn nhiều lỗi, chưa tiện dụng, chưa tối ưu hóa hoàn toàn chức năng theo đặc thù của địa phương. Kinh phí đầu tư nâng cấp hạ tầng thiết yếu phục vụ chuyển đổi số tại các địa phương chưa đáp ứng nhu cầu thực tế hiện nay.

2. Khối Hội đồng nhân dân tỉnh

2.1. Kết quả nổi bật

Đảng ủy HĐND tỉnh đã bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, thể hiện rõ tinh thần chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và tổ chức triển khai đồng bộ. Qua đó, phương thức hoạt động của cơ quan dân cử có bước chuyển biến rõ nét theo hướng số hóa, hiện đại, liên thông và nâng cao hiệu quả điều hành.

- *Về hạ tầng số:* Đảng ủy HĐND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, hoàn thiện thủ tục lập, phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ đại biểu HĐND tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031, bảo đảm đồng bộ, đúng quy định và có tầm nhìn dài hạn, đáp ứng yêu cầu hoạt động trên môi trường số. Đồng thời, chỉ đạo tăng cường đầu tư, nâng cấp hạ tầng mạng LAN, Internet và mạng truyền số liệu chuyên dùng; ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong toàn bộ hoạt động ứng dụng CNTT. Việc bố trí hệ thống máy tính chuyên dụng phục vụ xử lý văn bản mật được thực hiện đúng quy định, bảo đảm an toàn tuyệt đối trong xử lý thông tin.

- *Về nền tảng số và điều hành, các hệ thống số:* Được triển khai đồng bộ và đi vào sử dụng thực chất. Hệ thống “kỳ họp không giấy - eCabinet” được khai

thác hiệu quả trong tổ chức các kỳ họp HĐND tỉnh, bảo đảm toàn bộ quy trình từ đăng ký tham dự, đăng ký phát biểu, điều hành đến biểu quyết điện tử. Qua đó góp phần đổi mới phương thức tổ chức kỳ họp, nâng cao chất lượng điều hành, tăng tính minh bạch, giảm sử dụng văn bản giấy và nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử.

- *Hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử*: Được triển khai thống nhất, đồng bộ trong toàn bộ quy trình xử lý công việc của Thường trực HĐND, các Ban và Văn phòng. Đến nay, 100% lãnh đạo được cấp chữ ký số chuyên dùng công vụ; triển khai đồng bộ USB Token và SIM PKI. 100% văn bản điện tử (*trừ văn bản mật và văn bản quy phạm pháp luật*) được ký số và phát hành trên môi trường mạng, tạo bước chuyên rõ rệt từ xử lý thủ công sang điều hành số toàn trình, nâng cao hiệu quả, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

- *Công tác thông tin, dữ liệu và truyền thông số*: Tiếp tục được tăng cường. Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh được duy trì, nâng cấp nội dung, cập nhật thường xuyên, phản ánh kịp thời hoạt động của Thường trực, các Ban và Tổ đại biểu HĐND tỉnh, góp phần bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường kết nối thông tin giữa cơ quan dân cử với cử tri và Nhân dân.

- *Công tác phát triển nhân lực số*: Được xác định là nhiệm vụ nền tảng, được triển khai thường xuyên, liên tục. Đảng ủy HĐND tỉnh chỉ đạo lồng ghép nội dung chuyển đổi số, kỹ năng số và an toàn thông tin trong sinh hoạt chi bộ; đồng thời đẩy mạnh phổ biến, hướng dẫn sử dụng các nền tảng số của Đảng như “Bình dân học vụ số”, sổ tay đảng viên điện tử iCPV-Book và hệ sinh thái iCPV, góp phần hình thành thói quen làm việc trên môi trường số, nâng cao năng lực số, tư duy số và kỷ luật số trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

2.2. Một số điểm nghẽn và vướng mắc, khó khăn

Mặc dù đạt được một số kết quả bước đầu, quá trình triển khai chuyển đổi số vẫn còn một số hạn chế, tồn tại như: Mức độ khai thác, sử dụng một số nền tảng số chưa đồng đều; việc chuẩn hóa dữ liệu và quy trình số hóa chưa thật sự đồng bộ, chưa tạo được sự liên thông tuyệt đối giữa các khâu; kỹ năng số của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu khai thác sâu các hệ thống số.

Nguyên nhân chủ yếu do một số quy trình nghiệp vụ đang trong giai đoạn chuyển đổi từ phương thức truyền thống sang môi trường số; công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số chưa được triển khai thường xuyên, liên tục; hạ tầng kỹ thuật tuy đã được quan tâm nhưng chưa đồng bộ tuyệt đối giữa các khâu ứng dụng.

3. Khối UBND tỉnh

3.1. Về thủ tục hành chính (TTHC) và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)⁹

Tại thời điểm báo cáo, tổng số TTHC đang thực hiện trên địa bàn tỉnh là 1.977 thủ tục, trong đó: TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 841

⁹ 04 DVC của Đảng và 03 DVC của Tòa án nhân dân tối cao

thủ tục (42,54%); TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần: 1.136 thủ tục (57,46%).

Từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/5/2026, toàn tỉnh đã tiếp nhận 630.568 hồ sơ, trong đó: đã giải quyết 593.235 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết trước hạn và đúng hạn đạt 97,61%; quá hạn 14.158 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 2,39%. Trong tổng số hồ sơ tiếp nhận, hồ sơ trực tuyến đạt 555.666 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 94,74 % tổng số hồ sơ tiếp nhận.

Lũy kế từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/5/2026, toàn tỉnh đã tiếp nhận 1.459.910 hồ sơ; đã giải quyết 1.422.552 hồ sơ, trong đó trước hạn và đúng hạn 1.377.525 hồ sơ (đạt 96,83%), quá hạn 45.027 hồ sơ (chiếm 3,17%). 100% hồ sơ quá hạn đã thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức theo đúng quy định. Trong tổng số hồ sơ tiếp nhận, hồ sơ trực tuyến là 1.256.012 hồ sơ (trong đó 6 tháng cuối năm 2025 là 700.346 hồ sơ và 6 tháng đầu năm 2026 là 555.666 hồ sơ), chiếm tỷ lệ 86,03% tổng số hồ sơ tiếp nhận.

So với 6 tháng cuối năm 2025, công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trong 5 tháng đầu năm 2026 có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tăng từ 84,44% lên 94,74%, cho thấy người dân, doanh nghiệp ngày càng sử dụng nhiều hơn các dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời, tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trước hạn và đúng hạn cũng tăng từ 96,28% lên 97,61%, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

(Phụ lục V kèm theo)

3.2. Về hạ tầng, kiến trúc số

- Kết quả phủ sóng di động; xử lý các điểm lốm sóng, thiếu điện; các trung tâm dữ liệu (so sánh với đầu năm 2025); Việc rà soát, cập nhật Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các khung kiến trúc, kiến trúc cấp quốc gia phục vụ chuyển đổi số

Hạ tầng viễn thông và kết nối Internet trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số trong hệ thống chính trị .

Tiếp tục triển khai khắc phục các khu vực lốm sóng di động trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 9426/KH-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh; trong đó năm 2026 sẽ thực hiện xây dựng mới hoặc tối ưu vùng phủ các trạm BTS hiện hữu đối với 112 vị trí BTS nhằm phục vụ tốt công tác chỉ đạo điều hành của chính quyền địa phương và nhu cầu thông tin liên lạc của người dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Kết quả thực hiện: đã triển khai 45/112 vị trí tối ưu và xây dựng mới trạm BTS theo kế hoạch, tăng 45 vị trí so với năm 2025.

Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm tích hợp dữ liệu (THDL) hiện có 98 máy chủ vật lý, cung cấp dịch vụ ảo hóa trên nền điện toán đám mây (Cloud computing) với 227 máy chủ ảo, tổng dung lượng lưu trữ 465 TB, đáp ứng cơ bản nhu cầu vận hành hiện tại. Trung tâm THDL tiếp tục đang duy trì, vận hành ổn định các hệ thống thông tin dùng chung và các hệ thống quan trọng của tỉnh sau sáp nhập

(Thư điện tử công vụ; Hệ thống Văn bản điều hành; Hội nghị truyền hình trực tuyến; hosting cổng/trang thông tin điện tử; các CSDL chuyên ngành...).

- Việc bảo đảm hạ tầng số, trang thiết bị phục vụ cho chuyển đổi số của các cơ quan Trung ương, địa phương: mức độ đáp ứng yêu cầu thực tế về thiết bị, đường truyền (nhất là cấp xã); khả năng bảo đảm cho vận hành liên tục, an toàn, ổn định các hệ thống số

UBND tỉnh ban hành Công văn số 629/UBND-KGVX ngày 14/01/2026 về việc rà soát, nâng cấp chất lượng dịch vụ Internet băng rộng cố định mặt đất tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Tính đến ngày 10/6/2026, toàn tỉnh có 102/124 (đạt tỷ lệ 82,2%) đơn vị Trung tâm Phục vụ hành chính công của các xã, phường, đặc khu đã trang bị hạ tầng phục vụ người dân đạt chuẩn tốc độ băng rộng cố định tối thiểu 1Gb/s, trang bị thiết bị phát sóng thế hệ mới Wi-Fi 6/7 và đảm bảo năng lực chịu tải ổn định trên 100 truy cập đồng thời phục vụ người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trong các khung giờ cao điểm. Đối với 22/124 đơn vị còn lại, hiện đã phối hợp với doanh nghiệp viễn thông xây dựng hoàn thiện phương án kỹ thuật để khẩn trương thực hiện hoàn thành trong tháng 06/2026.

Đối với đặc khu Phú Quý, tuy chưa có tuyến cáp quang kết nối trực tiếp từ đất liền nhưng các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh đã quan tâm đầu tư và nâng cấp hệ thống truyền dẫn sử dụng công nghệ viba với tổng dung lượng hiện nay là 16,2 Gbps (tăng thêm 2,5 Gbps so với năm 2025), gồm 03 tuyến của Viễn thông Lâm Đồng (từ núi Tazon đến núi Cao Cát) và 04 tuyến của Viettel Lâm Đồng (từ Mỏ đá Phong Phú đến núi Cao Cát; từ Bàu Trắng - Hòa Thắng đến Trạm Ra đa Hải quân). Qua đó, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ Internet, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước và bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn đặc khu Phú Quý.

UBND tỉnh thường xuyên rà soát, đánh giá thực trạng trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin để bảo đảm đáp ứng yêu cầu về cấu hình, khả năng vận hành các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung. Sau khi hoàn thành sắp xếp theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, từ 01/7/2025, UBND tỉnh đã quan tâm bố trí nguồn lực với mức 200 triệu đồng/đơn vị cho 124 UBND cấp xã theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND, ngày 01/10/2025 để thực hiện mua sắm, nâng cấp máy móc, thiết bị công nghệ thông tin thiết yếu. Ngày 09/6/2026, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2824/QĐ-UBND về chủ trương đầu tư dự án Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của UBND cấp xã và triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, tập trung đầu tư các trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị đo lường cho UBND cấp xã; thiết bị triển khai đề án 06 của Công an cấp xã... với tổng mức đầu tư khoảng 219 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 -2030.

Triển khai kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) thông suốt đến các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hạ tầng kết nối ổn định từ Trung ương đến cấp xã, phục vụ triển khai các dịch vụ, ứng dụng, các nền tảng số của hệ thống chính trị nhằm sử dụng và khai thác tối đa mạng TSLCD

phục vụ cho hoạt động chỉ đạo, điều hành thống nhất, bảo đảm an toàn và tiết kiệm chi phí giữa các cơ quan Đảng và Nhà nước; đảm bảo mạng TSLCD phục vụ công tác bầu cử, kết nối Hệ thống thông tin bầu cử trên phạm vi toàn tỉnh, đáp ứng theo yêu cầu của văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; đảm bảo kết nối hệ thống Quản lý văn bản mật Chính phủ ổn định, thông suốt và được giám sát tập trung.

Triển khai hạ tầng đảm bảo vận hành Hệ thống quản lý văn bản mật Chính phủ: Hiện tại trên Hệ thống đã khởi tạo 164 tài khoản cho tổ chức và 276 tài khoản người dùng. Trong đó, đã khởi tạo và bàn giao tài khoản quản trị cho 100% các cơ quan, đơn vị (15/15 đơn vị cấp tỉnh và 124/124 đơn vị cấp xã). Thực hiện đăng ký bổ sung thêm 06 điểm kết nối tại các xã: Cát Tiên, Đạ Tẻh, La Gi, Đức Trọng, Đam Rông 2, Xuân Hương - Đà Lạt (*lý do trước đây dùng chung với Đảng ủy*).

3.3. Về các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung ngành, lĩnh vực

Tỉnh tiếp tục duy trì, vận hành thông suốt các nền tảng, hệ thống dùng chung của tỉnh¹⁰ bảo đảm công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh trên môi trường số từng bước đi vào nền nếp, bảo đảm xử lý công việc nhanh chóng, kịp thời, giảm tối đa hồ sơ giấy:

- *Việc chỉ đạo việc tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử*: 100% các đơn vị gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số: Việc ký số, phát hành, tiếp nhận và xử lý văn bản điện tử được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng, bảo đảm nhanh chóng, chính xác và an toàn thông tin. Từ ngày 01/01/2026 đến nay, tỷ lệ văn bản điện tử được ký số trên toàn hệ thống đạt 93,65%.

- *Số hoá 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lỗi) của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số*: Các quy trình nghiệp vụ trọng yếu trong hoạt động quản lý nhà nước (bao gồm xử lý văn bản, giải quyết thủ tục hành chính, quản lý hồ sơ nhân sự, tài chính - kế toán, báo cáo định kỳ...) đã được chuẩn hóa và số hóa, tích hợp lên các hệ thống thông tin dùng chung toàn tỉnh như: Hệ thống quản lý văn bản, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, Hệ thống dịch vụ công Kho bạc, Hệ thống báo cáo (LRIS)... từng bước thay thế phương thức xử lý thủ công, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, giảm thời gian, chi phí và tăng tính minh bạch. Đồng thời, quá trình số hóa quy trình đã tạo lập dữ liệu số có cấu trúc, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát, đánh giá thông qua nền tảng Trung tâm Điều hành thông minh (IOC).

- *Việc chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan ban hành danh mục và cung cấp dữ liệu mở theo quy định của pháp luật*: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định về danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở. Tỉnh đã triển khai thí điểm Cổng dữ liệu mở (data.lamdong.gov.vn) và kho dữ liệu dùng chung (khodulieu.lamdong.gov.vn); Cổng dữ liệu mở cung cấp 24 chủ đề, 131 tập dữ liệu, với khoảng hơn 1000 trường

¹⁰ Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh triển khai, xây dựng các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng dùng chung (Nền tảng số dùng chung) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

thông tin. Kho dữ liệu dùng chung tỉnh cung cấp 15 lĩnh vực, với 59 cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin. Đến nay, sau sáp nhập tỉnh, Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở của tỉnh đã được đưa vào hạng mục triển khai trong dự án “Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng” đã được phê duyệt chủ trương đầu tư.

- *Việc rà soát các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng thuộc phạm vi quản lý bảo đảm giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại, vướng mắc để thông suốt, đáp ứng yêu cầu người dùng:* Các nền tảng, hệ thống dùng chung của tỉnh được triển khai đảm bảo, vận hành thông suốt khi bắt đầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, từ đó giúp cho công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường số từng bước đi vào nền nếp, bảo đảm xử lý công việc nhanh chóng, kịp thời, giảm tối đa hồ sơ giấy.

- *Triển khai Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành:* Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành được triển khai thống nhất toàn tỉnh liên thông với trực văn bản quốc gia qua nền tảng chia sẻ tích hợp dữ liệu cấp tỉnh. Đến nay, đã khai báo cho 166 đơn vị (42 đơn vị cấp tỉnh, 124 đơn vị cấp xã) với 26.000 tài khoản người dùng, tổng số văn bản đến toàn hệ thống là 6.150.397 văn bản, tổng số văn bản đi là 861.675 văn bản, tỷ lệ văn bản điện tử được ký số trên toàn hệ thống đạt 93,65%. Hiện nay, đã thực hiện chuyển đổi dữ liệu, hợp nhất dữ liệu phần mềm Quản lý văn bản của UBND tỉnh Lâm Đồng (cũ) và Đăk Nông (cũ) để phục vụ tra cứu văn bản; đồng thời đang tiến hành hợp nhất dữ liệu văn bản của tỉnh Bình Thuận (cũ). Ngoài ra, hệ thống cũng đã khai báo, tích hợp Hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ một cửa liên thông để thực hiện việc xử lý hồ sơ.

- *Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến:* Tiếp tục được đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện theo hướng hiện đại, đồng bộ. Tại mỗi đơn vị cấp xã đã bố trí tối thiểu 02 điểm cầu, bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, họp trực tuyến, tập huấn, đào tạo từ xa; đồng thời đáp ứng yêu cầu kết nối liên thông, kịp thời giữa các cấp chính quyền, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Kết nối 124 điểm cầu cấp xã của khối UBND phục vụ cuộc họp trực tuyến các cấp.

- *Nền tảng chia sẻ, kết nối dữ liệu tỉnh Lâm Đồng (lgsp.lamdong.gov.vn):* Vận hành ổn định, an toàn, đóng vai trò là hạ tầng tích hợp, chia sẻ dữ liệu trung tâm của tỉnh. Từ ngày 01/7/2025 đến nay, hệ thống đã kết nối, khai thác hiệu quả 22 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành Trung ương thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), với tổng số 2.648.958 lượt giao dịch dữ liệu được thực hiện.

- *Cổng thông tin điện tử tỉnh Lâm Đồng (lamdong.gov.vn):* Được kết nối, tích hợp đồng bộ với 16 sở, ban, ngành và 124 xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh.

- *Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh (IOC) sau sáp nhập:* Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Lâm Đồng (IOC) sau sáp nhập tiếp tục được duy trì, nâng cấp và khai thác phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh. Hiện hệ thống đã triển khai 10 phân hệ giám sát trực tuyến phục vụ theo dõi chỉ đạo điều hành, phát triển kinh tế - xã hội. IOC đã cấp 2.528 tài khoản cho lãnh đạo,

cán bộ các sở, ngành, địa phương khai thác, sử dụng thường xuyên trong công tác điều hành hàng ngày. Hệ thống đã kết nối, tích hợp dữ liệu từ nhiều nền tảng số dùng chung như hệ thống quản lý văn bản, hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống báo cáo LRIS và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Các chỉ số được giám sát trực tuyến giúp lãnh đạo theo dõi tiến độ xử lý công việc, tình hình giải ngân, cải cách hành chính và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo thời gian thực. Việc khai thác IOC đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu số, hỗ trợ phát hiện sớm tồn tại, điểm nghẽn và tăng cường giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Triển khai Hệ thống thư điện tử công vụ (mail.lamdong.gov.vn)*: đã triển khai 100% các cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh với 19.915 tài khoản thư điện tử công vụ được cấp cho cá nhân và các cơ quan, đơn vị.

- *Tiếp tục triển khai, sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu, phần mềm nghiệp vụ phục vụ công tác*: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; quản lý, cấp Căn cước công dân; Cơ sở dữ liệu tạm giữ, tạm giam; quản lý xuất nhập cảnh; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; quản lý con dấu; quản lý đăng ký phương tiện; phần mềm Nghiệp vụ cơ bản Cảnh sát, An ninh; phần mềm Điều tra hình sự; hồ sơ nghiệp vụ, quản lý cán bộ, chính sách, tuyển sinh; thi đua khen thưởng, quản lý đảng viên, kế toán, tài sản...

- *Việc khắc phục hạ tầng còn manh mún, thiếu chuẩn hóa. Nêu rõ kết quả khắc phục, so sánh với năm 2025*: Trong tháng 01/2026, tỉnh đã hoàn thành việc tổ chức lại Trung tâm tích hợp dữ liệu theo mô hình tập trung - dự phòng. Theo đó, tỉnh đã hoàn thành việc di dời toàn bộ hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu Đắc Nông (cũ) về Trung tâm tích hợp dữ liệu Lâm Đồng (cũ), bảo đảm an toàn, nguyên trạng dữ liệu và hệ thống trong suốt quá trình chuyển đổi; thực hiện hợp nhất, chuẩn hóa và đồng bộ hạ tầng của Lâm Đồng (cũ) và Đắc Nông (cũ), hình thành Trung tâm tích hợp dữ liệu chính của tỉnh, đáp ứng yêu cầu vận hành tập trung các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung; bố trí Trung tâm tích hợp dữ liệu Bình Thuận (cũ) làm trung tâm dự phòng, bảo đảm khả năng sao lưu, phục hồi dữ liệu và duy trì hoạt động liên tục của các hệ thống trong các tình huống sự cố, thảm họa. So với năm 2025, hạ tầng số của tỉnh đã được chuyển đổi căn bản từ mô hình phân tán sang tập trung - dự phòng; mức độ đồng bộ, chuẩn hóa được nâng lên rõ rệt; hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên được cải thiện, giảm trùng lặp đầu tư, tăng cường khả năng bảo đảm an toàn thông tin và sẵn sàng đáp ứng yêu cầu triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quy mô lớn. Ngoài ra, tỉnh đang triển khai dự án “Đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của UBND cấp xã và triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng” với tổng kinh phí 219 tỷ đồng. Qua đó, tạo nền tảng hạ tầng số vững chắc phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tới.

(Phụ lục VI kèm theo)

3.4. Về dữ liệu số

- *Việc chỉnh lý, số hóa các tài liệu lưu trữ của các địa phương, sở, ban, ngành trước và sau sáp nhập*

UBND tỉnh phê duyệt Đề án chỉnh lý tài liệu lưu trữ tồn đọng, kết quả: Đối với tài liệu lưu trữ của các sở, ban, ngành, tổng số tài liệu thống kê đến nay ước khoảng 43.460 mét, trong đó: 14.900 mét đã chỉnh lý hoàn chỉnh; 4.758 mét lập hồ sơ sơ bộ và 23.802 mét chưa được chỉnh lý, đang được sắp xếp, bó gói và đóng bao lưu trữ tại kho lưu trữ hiện hành tại trụ sở mới và các trụ sở cũ.

Tiếp tục thực hiện Đề án Chỉnh lý tài liệu lưu trữ tồn đọng tại các sở, ban, ngành thuộc tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023 - 2027 đến năm 2030; đồng thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung Đề án cho phù hợp tình hình thực tiễn thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đối với tài liệu cấp huyện, đang quản lý 1.693 mét tài liệu lưu trữ vĩnh viễn, 8.474 mét tài liệu lưu trữ có thời hạn (*đã chỉnh lý hoàn chỉnh*) và khoảng 25.048,12 mét tài liệu chưa chỉnh lý của cấp huyện, đang được sắp xếp, bó gói và đóng bao lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử và các kho tạm tại trụ sở các huyện cũ;

Tiếp tục xây dựng Đề án Chỉnh lý tài liệu lưu trữ giấy tồn đọng của các cơ quan, đơn vị cấp huyện thuộc tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; đối với tài liệu cấp xã, phần lớn chưa được chỉnh lý, chưa thực hiện số hóa theo quy định và đang được sắp xếp, bó gói và đóng bao lưu trữ tại kho tạm của UBND cấp xã. Tổng khối lượng tài liệu của cấp xã tính đến nay có khoảng 29.758 mét, trong đó: 263,5 mét đã chỉnh lý hoàn chỉnh; 2.762,3 mét lập hồ sơ sơ bộ và 26.732,2 mét chưa được chỉnh lý (*số liệu tài liệu đã chỉnh lý hoàn chỉnh trước khi sáp nhập tỉnh là: 20.561,5 mét; sau khi sáp nhập là 3.076 mét*);

Việc số hóa tài liệu lưu trữ của các địa phương, sở, ban, ngành: Trước sáp nhập đã thực hiện số hóa tài 4.139.278 trang tài liệu; thực hiện hướng dẫn của Bộ Nội vụ, sau sáp nhập, tỉnh đã Báo cáo đề xuất Trung ương hỗ trợ kinh phí để thực hiện số hóa 4.248,39 mét tài liệu lưu trữ vĩnh viễn, khoảng 25.065.462 trang tài liệu (*hiện địa phương chưa được Trung ương hỗ trợ bố trí kinh phí để triển khai thực hiện*).

- *Về kết nối, chia sẻ, tạo lập dữ liệu*: Tiếp tục đẩy mạnh công tác tạo lập, làm sạch, làm giàu dữ liệu chuyên ngành phục vụ triển khai Đề án 06 và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Đã cấp định danh mức 2 cho công dân trên 14 tuổi: 2.574.604 tài khoản/2.942.880 công dân (đạt tỷ lệ 87.49%); kích hoạt 2.411.064 tài khoản (đạt tỷ lệ 93.6%).

+ Toàn tỉnh hiện có 20.248 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và hợp tác xã thuộc diện cấp tài khoản định danh điện tử tổ chức; đến nay đã thu nhận hồ sơ và được Cục C06 - Bộ Công an phê duyệt thành công 18.567/20.248 hồ sơ, đạt tỷ lệ 91,74%.

+ Dữ liệu đất đai: Tính đến ngày 14/5/2026, tổng số thửa đất thực tế đã được xây dựng cơ sở dữ liệu là 2.549.587, trong đó: (1) Nhóm I (Nhóm đã được xây dựng CSDL và dữ liệu đang được sử dụng và đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống”) có 422.190 thửa chiếm tỷ lệ 16,56%. (2) Nhóm II (Nhóm đã được xây dựng CSDL và dữ liệu phải chỉnh lý, bổ sung thông tin và xác thực thông tin của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong CSDL đất đai) có

2.124.113 thửa chiếm tỷ lệ 83,31%. (3) Nhóm III (Nhóm đã được xây dựng CSDL và dữ liệu không sử dụng được, cần phải xây dựng lại mới) có 3.284 thửa chiếm tỷ lệ 0,13%. Kết quả đồng bộ dữ liệu từ CSDL đang vận hành lên hệ thống thông tin đất đai quốc gia VNLIS và đồng bộ CSDLQG về dân cư tính đến nay là 1.748.087/2.549.587 thửa đất (đạt 68,58%) -> cập nhật số liệu mới

+ Làm sạch dữ liệu thông tin tàu cá, chủ sở hữu phục vụ công tác định danh tàu thuyền, đến nay, đã thu thập, cập nhật đầy đủ thông tin 8.195 tàu cá, tương ứng 8.195 chủ tàu/chủ tàu kiêm thuyền trưởng/chủ tàu kiêm máy trưởng.

+ Phối hợp các tổ chức chính trị - xã hội nhập thông tin hội viên vào CSDLQG về dân cư, đến nay đã nhập thông tin 56.922 hội viên hội người cao tuổi, 81.763 hội viên hội nông dân, 25.973 hội viên hội cựu chiến binh, 251 hội viên hội chữ thập đỏ.

+ Cập nhật, xác thực giữa CSDLQG về bảo hiểm và CSDLQG về dân cư 2.887.541/2.895.614 trường hợp, đạt tỷ lệ 99,72%; làm sạch dữ liệu BHXH công dân tạm trú khu công nghiệp 17.877/19.555 trường hợp, đạt tỷ lệ 91,42%; Phối hợp làm sạch dữ liệu 25.938 người có công, 1.206.161 người lao động trên CSDLQG về dân cư.

+ Số lượng người đang tham gia BHXH, BHYT, BHTN được xác thực với CSDLQG về dân cư là 2.902.210/ 2.909.094 người đạt tỷ lệ 99,76%; số người chưa đồng bộ là 6.884 người, trong đó số người chưa có CCCD/ĐDCN là 1.976 người; số người có số ĐDCN nhưng chưa đồng bộ là 4.908 người.

+ Rà soát, xác thực dữ liệu văn bằng, chứng chỉ trên hệ thống CSDLQG về dân cư phục vụ tích hợp VNeID 17.525/17.525 trường hợp, đạt tỷ lệ 100%.

+ Triển khai học bạ số cho các trường Tiểu học, THCS và THPT trên địa bàn tỉnh, sau khi sát nhập đạt khoảng 77%; 100% hồ sơ sổ sách điện tử trên môi trường số, 100% dữ liệu quản lý trường học và giảng dạy trên môi trường số.

(Phụ lục VII kèm theo)

3.5. Nguồn nhân lực cho chuyển đổi số

- Công tác phát triển nhân lực cho chuyển đổi số

Thực hiện chủ trương tăng cường cán bộ về cơ sở gắn với triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, tiếp nối kết quả đợt 1 mô hình “Tôi làm Công an xã” sau sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, Công an tỉnh đã tổ chức Lễ phát động triển khai đợt 2 mô hình “Tôi làm Công an xã” và phong trào “Bình dân học vụ số” từ ngày 18/5/2026 đến ngày 18/8/2026. Theo đó, 224 cán bộ, chiến sĩ được tăng cường cho lực lượng Công an cơ sở để trực tiếp hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ Đề án 06; hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cài đặt và kích hoạt tài khoản định danh điện tử, tiếp cận các tiện ích trên ứng dụng VNeID; đồng thời phổ cập kỹ năng số cơ bản và kỹ năng bảo vệ thông tin cá nhân trên không gian mạng thông qua nền tảng “Bình dân học vụ số”. Việc triển khai đồng bộ mô hình đã góp phần thúc đẩy chuyển đổi số từ cơ sở, nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho người dân, phát huy vai trò

nòng cốt của lực lượng Công an trong thực hiện Đề án 06 và xây dựng xã hội số trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, hầu hết các địa phương trên địa bàn tỉnh đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026, trong đó lồng ghép các nội dung về chuyển đổi số, kỹ năng số, an toàn thông tin mạng, khai thác và sử dụng các nền tảng số dùng chung. Công tác đào tạo, bồi dưỡng tập trung vào đội ngũ cán bộ phụ trách chuyển đổi số, lực lượng tham mưu và tổ công nghệ số cộng đồng nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền địa phương 02 cấp và thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Ngày 07/5/2026, UBND tỉnh ban hành Công văn số 6291/UBND-KGVX về phổ biến, hướng dẫn sử dụng Nền tảng “Bình dân học vụ số”, tạo cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai hoạt động đào tạo, tự học và phổ cập kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên môi trường số. Thông qua nền tảng, các nội dung như sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, kỹ năng số cơ bản, khai thác nền tảng số dùng chung và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân được triển khai rộng rãi, góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng số và từng bước hình thành công dân số trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả về đào tạo, hướng dẫn, tập huấn nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người dân tham gia chuyển đổi số

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1410/KH-UBND, ngày 08/8/2025 về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”; Kế hoạch số 854/KH-UBND, ngày 30/7/2025 về triển khai hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng và Kế hoạch số 5567/KH-UBND ngày 23/04/2026 về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”. Các kế hoạch đã xác định rõ nhiệm vụ, nội dung đào tạo, bồi dưỡng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, Tổ Công nghệ số cộng đồng, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh, việc triển khai nền tảng “Bình dân học vụ số” do Bộ Công an xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ cũng đã xây dựng và triển khai “Sổ tay điện tử Bình dân học vụ số” với gần 100 bài giảng, học liệu điện tử về kỹ năng số để chủ động triển khai cho mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai sâu rộng, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và người dân. Hội nghị phát động phong trào được tổ chức trực tuyến đến 124 xã, phường, đặc khu với hơn 6.000 đại biểu tham dự. Đến nay, 100% địa phương đã ban hành kế hoạch triển khai; toàn tỉnh kiện toàn 2.765 Tổ Công nghệ số cộng đồng với 16.880 thành viên, tạo mạng lưới hỗ trợ chuyển đổi số rộng khắp đến từng thôn, tổ dân phố. Nhiều mô hình hiệu quả được triển khai như: “Học sinh hỗ trợ người dân chuyển đổi số”, “Giờ ra chơi số”, “Tổ hỗ trợ kỹ năng số học đường”, “Mỗi lớp học là một điểm tuyên truyền số”.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số được đẩy mạnh. Đến nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn về chuyển đổi số và kỹ năng số cơ bản; ngành giáo dục đã đào tạo 40.793 cán bộ, công chức, viên chức và hướng dẫn kỹ năng số cho 702.221 học sinh, sinh viên. Công an tỉnh đã bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số cho gần 9.000 cán bộ, chiến sĩ; Bộ Chỉ huy Quân sự

tỉnh tổ chức đánh giá kỹ năng số cho 1.213 quân nhân, trong đó 99% đạt yêu cầu. Trong lĩnh vực giáo dục, 100% cơ sở giáo dục đã triển khai nền tảng “Bình dân học vụ số”; 100% học sinh trung học và sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng số và kỹ năng an toàn trên môi trường mạng.

Đối với người dân, các hoạt động hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, VNeID và các nền tảng số được triển khai thường xuyên thông qua Tổ Công nghệ số cộng đồng, lực lượng đoàn viên, hội viên và học sinh, sinh viên. Hệ thống học tập trực tuyến và Sổ tay điện tử Bình dân học vụ số đã thu hút 205.133 lượt truy cập; tỷ lệ dân số trưởng thành được tiếp cận tri thức và kỹ năng số đạt khoảng 70%, tương đương 1.908.276 lượt người. Lực lượng Công an tỉnh đã bố trí 370 cán bộ, chiến sĩ tăng cường về cơ sở, hỗ trợ 12.638 lượt công dân thực hiện thủ tục hành chính và tổ chức 2.873 lượt tuyên truyền về kỹ năng số. Toàn tỉnh cũng đã tổ chức 52 lớp tập huấn cho hơn 4.902 thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng, đồng thời triển khai nhiều hoạt động “cầm tay chỉ việc” hỗ trợ người cao tuổi, hộ nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận các dịch vụ số thiết yếu.

Bên cạnh công tác phổ cập kỹ năng số, tỉnh chú trọng đào tạo chuyên sâu phục vụ chuyển đổi số. Tỉnh đã tổ chức 19 lớp tập huấn vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành cho hơn 11.000 học viên là cán bộ, công chức, viên chức tại các sở, ngành và địa phương, góp phần bảo đảm các hệ thống thông tin vận hành liên tục, thông suốt trong quá trình triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Về đào tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), trong năm 2025 và 2026, tỉnh đã tổ chức nhiều chương trình bồi dưỡng cho đội ngũ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng doanh nghiệp. Kết quả: năm 2025, đã tổ chức 03 lớp tập huấn trực tiếp cho lãnh đạo các cấp với 276 học viên; 01 khóa học trực tuyến cho hơn 6.200 cán bộ, công chức; 03 lớp đào tạo cho hơn 400 doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa; đồng thời các cơ quan, đơn vị đã chủ động tổ chức 06 lớp tập huấn về AI cho gần 4.100 cán bộ, đảng viên. Trong năm 2026, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục tổ chức 03 lớp đào tạo, tập huấn ứng dụng AI cho khoảng 1.240 cán bộ, công chức, viên chức cấp xã.

Qua đó, năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp không ngừng được nâng cao; từng bước hình thành văn hóa số trong cộng đồng, thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực và tạo nền tảng quan trọng cho phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh.

- Việc bố trí nhân sự chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, địa phương (nhất là ở cấp xã)

Để bảo đảm hoạt động mô hình chính quyền hai cấp, UBND tỉnh đã tổ chức thực hiện biệt phái 18 công chức, viên chức có trình độ công nghệ thông tin từ các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh về hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã. Đồng thời, để kịp thời khắc phục khó khăn trước mắt, trên cơ sở Công văn số 5150/VNPT-CLSP, ngày 27/6/2025 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, tỉnh đã làm việc với VNPT Lâm Đồng và thống nhất cử cán bộ kỹ thuật hỗ trợ các địa phương cấp xã trong thời gian 03 tháng (từ ngày 01/8/2025). Đến nay, theo thống

kê tại khối UBND cấp xã có 82 đơn vị đã bố trí nhân lực về công nghệ thông tin, còn 42 đơn vị chưa bố trí được nhân lực công nghệ thông tin.

(Phụ lục VIII kèm theo)

3.6. Về phát triển kinh tế số, xã hội số

*** Kinh tế số**

Việc gắn kết chặt chẽ chuyển đổi số với phát triển ngành, lĩnh vực đã góp phần tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế. Năm 2025, tỷ trọng kinh tế số của tỉnh đạt 7,45% GRDP, phản ánh xu hướng chuyển dịch khá tích cực của cơ cấu kinh tế theo hướng số hóa, đồng thời cho thấy dư địa phát triển còn lớn trong thời gian tới. Kinh tế số của tỉnh bước đầu hình thành rõ nét trong các lĩnh vực có thế mạnh: Nông nghiệp số, đặc biệt là cà phê, hồ tiêu, sầu riêng, thủy sản... với việc ứng dụng IoT, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, góp phần nâng cao năng suất và giá trị gia tăng. Du lịch số được định hướng là ngành kinh tế mũi nhọn, từng bước triển khai nền tảng số quảng bá điểm đến, sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.

Năm 2025, tỉnh đã giao dự toán kinh phí 2,67 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu để triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định. Trên cơ sở đó, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ động, linh hoạt tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ theo Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, tập trung vào hai nhóm nhiệm vụ trọng tâm: (1) hỗ trợ ứng dụng công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số (đặc biệt là triển khai giải pháp truy xuất nguồn gốc sản phẩm); (2) hỗ trợ tư vấn xác lập, quản lý và phát triển tài sản sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp. Qua triển khai, 25 doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được tiếp cận và ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, từng bước nâng cao năng lực quản trị, tăng cường tính minh bạch thông tin sản phẩm và cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả bước đầu ghi nhận những chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao năng suất và tăng cường khả năng cạnh tranh, tạo nền tảng cho doanh nghiệp thích ứng nhanh với môi trường kinh doanh số, mở rộng thị trường và phát triển bền vững.

Hiện nay, tỷ lệ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng ứng dụng Etax Mobile: 75%; tỷ lệ số lượng hộ kinh doanh (HKD) nộp thuế theo phương thức điện tử là 77,1%; tỷ lệ khai thuế điện tử của HKD là 14,2%.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch và thành lập Ban Chỉ đạo về xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035¹¹; xây dựng định hướng nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030; xây dựng hồ sơ Đề án thành lập Khu công nghệ cao Bình Thuận với kỳ vọng khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của địa phương.

UBND tỉnh đã đề ra các nhiệm vụ cụ thể để phát triển kinh tế số, thông qua Chương trình hành động số 1285/CTr-UBND, ngày 28/01/2026 về triển khai thực

¹¹ Kế hoạch số 7266/KH-UBND ngày 17/11/2025 của UBND tỉnh xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035 và Quyết định số 1442/QĐ-UBND, ngày 08/4/2026 của UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Lộ trình đổi mới công nghệ các ngành mũi nhọn của tỉnh lâm đồng đến 2035.

hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Quyết định số 420/QĐ-UBND, ngày 30/01/2026 ban hành kịch bản tăng trưởng "02 con số" tỉnh Lâm Đồng năm 2026.

** Xã hội số*

Đến nay, toàn tỉnh đã được cấp 2.574.604 tài khoản/2.942.880 công dân trên 14 tuổi (đạt tỷ lệ 87.49%); kích hoạt 2.411.064 tài khoản (đạt tỷ lệ 93.6%). Triển khai thu nhận hồ sơ và được Cục C06 - Bộ Công an phê duyệt thành công 18.567/20.248 hồ sơ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và hợp tác xã thuộc diện cấp tài khoản định danh điện tử tổ chức, đạt tỷ lệ 91,74%.

Triển khai Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID (đã tạo lập hồ sơ sức khỏe điện tử 3.180.724/3.280.720 hồ sơ, đạt tỷ lệ 97%). Khối doanh nghiệp đã thực hiện cấp phát được khoảng 100.000 chứng thư số công cộng, góp phần đưa tỷ lệ bao phủ đạt 2,58% trên tổng dân số toàn tỉnh.

Các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh đã chủ động thành lập và duy trì tốt hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn/tổ dân phố (toàn tỉnh có 2.765 Tổ CNSCĐ cấp thôn với 16.880 thành viên). Công tác phổ biến kỹ năng số được đẩy mạnh thông qua nền tảng “Bình dân học vụ số” của Bộ Công an và Sổ tay “Bình dân học vụ số tỉnh Lâm Đồng” (binhdanhocvusovuso.lamdong.gov.vn) do Sở Khoa học và Công nghệ phát triển với 216.988 lượt người tham gia, bước đầu nắm bắt được các kỹ năng số cơ bản, góp phần xây dựng nền tảng xã hội số và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh.

(Phụ lục IX kèm theo)

3.7. Một số điểm nghẽn và vướng mắc, khó khăn

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần được tập trung khắc phục trong thời gian tới:

- Về hạ tầng số và nền tảng dùng chung: Một số khu vực, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn tình trạng chưa ổn định về chất lượng sóng di động, tốc độ truy cập Internet chưa đồng đều. Việc đầu tư hạ tầng giữa các địa bàn sau sáp nhập vẫn cần tiếp tục được rà soát, chuẩn hóa để bảo đảm đồng bộ toàn tỉnh.

- Về dữ liệu và chia sẻ, liên thông dữ liệu: Mặc dù đã hình thành nền tảng LGSP và các kho dữ liệu dùng chung, tuy nhiên việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các hệ thống chuyên ngành đôi lúc chưa thực sự thông suốt, còn phân tán theo từng lĩnh vực. Việc chuẩn hóa dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, vẫn cần tiếp tục hoàn thiện theo hướng “đúng, đủ, sạch, sống, liên thông”

- Về khai thác hiệu quả nền tảng số trong điều hành: Một số hệ thống thông tin đã được triển khai nhưng việc khai thác phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định của một bộ phận cơ quan, đơn vị chưa đạt mức kỳ vọng; còn thiên về tác nghiệp hành chính, chưa chuyển mạnh sang điều hành dựa trên dữ liệu.

- Về kỹ năng số và tổ chức thực hiện ở cơ sở: Năng lực số của một bộ phận cán bộ, công chức, nhất là ở cấp cơ sở còn chưa đồng đều; việc sử dụng thành thạo các nền tảng số, khai thác dữ liệu và ứng dụng công nghệ mới còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành thống nhất các hệ thống.

- Về triển khai một số mô hình Đề án 06 và chuyển đổi số: Một số mô hình còn mang tính thử nghiệm, phạm vi triển khai chưa đồng đều giữa các địa phương; hiệu quả ứng dụng thực tiễn chưa đồng nhất, cần tiếp tục đánh giá, chuẩn hóa và nhân rộng.

Nguyên nhân chủ yếu: Quá trình chuyển đổi số diễn ra nhanh, phạm vi rộng, nhiều hệ thống triển khai đồng thời sau sáp nhập, gây áp lực lớn trong tổ chức thực hiện và chuẩn hóa. Kiến trúc dữ liệu và hệ thống thông tin giữa các giai đoạn phát triển chưa đồng bộ tuyệt đối, ảnh hưởng đến khả năng liên thông tổng thể. Một số nơi chưa chuyển mạnh từ tư duy “ứng dụng CNTT” sang “chuyển đổi số toàn diện dựa trên dữ liệu”. Công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số chưa theo kịp tốc độ phát triển của nền tảng công nghệ và yêu cầu thực tiễn.

4. Khôi Mặt trận Tổ quốc

4.1. Kết quả nổi bật

Đảng ủy MTTQ Việt Nam tỉnh đã bám sát Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên, triển khai đồng bộ chuyển đổi số trong toàn hệ thống Mặt trận. Công tác chuyển đổi số bước đầu tạo chuyển biến rõ nét về phương thức hoạt động theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ trong quản lý, điều hành và phục vụ Nhân dân, nâng cao hiệu quả tiếp nhận, xử lý thông tin từ cơ sở.

Hệ thống MTTQ các cấp đã triển khai và vận hành đồng bộ các nền tảng số quan trọng, gồm: Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp MTTQ Việt Nam; Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan Đảng (*phục vụ gửi, nhận, xử lý văn bản mật*); phòng họp trực tuyến bảo mật và nền tảng “Mặt trận số”. Các hệ thống bước đầu phát huy hiệu quả trong điều hành, trao đổi thông tin, bảo đảm tính kịp thời, an toàn và liên thông trong xử lý công việc.

Công “Mặt trận số 24/7” tiếp tục phát huy hiệu quả trong tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân. Từ đầu năm đến nay, hệ thống đã tiếp nhận và xử lý 16 phản ánh, kiến nghị trực tuyến; lũy kế đến nay tiếp nhận 48 phản ánh, kiến nghị, đạt tỷ lệ xử lý 100%, góp phần nâng cao chất lượng tương tác giữa Mặt trận với Nhân dân, tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số được quan tâm triển khai: Đã tổ chức 03 lớp tập huấn về sử dụng hệ thống điều hành tác nghiệp và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xử lý công việc, với hơn 1500 lượt cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia, góp phần nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ trong thực thi nhiệm vụ. Đồng thời, các tổ chức chính trị - xã hội tích cực tham gia triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, với 124 đội hình và 1.167 tình nguyện viên, hỗ trợ người dân tiếp cận kỹ năng số, góp phần lan tỏa chuyển đổi số đến cộng đồng dân cư, đặc biệt tại cơ sở.

4.2. Một số điểm nghẽn và vướng mắc, khó khăn

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác chuyển đổi số trong hệ thống Mặt trận vẫn còn một số hạn chế, đó là: Hạ tầng công nghệ thông tin tại một số đơn vị chưa đồng bộ; khả năng liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống còn hạn chế; mức độ khai thác một số nền tảng số chưa đồng đều giữa các cấp; kỹ năng số của một bộ phận cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Nguyên nhân chủ yếu do quá trình chuyển đổi số còn trong giai đoạn hoàn thiện, chưa đồng bộ giữa các cấp và đơn vị; công tác chuẩn hóa dữ liệu, quy trình nghiệp vụ số chưa hoàn chỉnh; nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế; công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số chưa thường xuyên, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai thực chất.

IV. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Tình hình, kết quả đạt được

a) Về việc triển khai các công nghệ chiến lược

Thực hiện Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg, ngày 30/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược; Quyết định số 808/QĐ-TTg, ngày 06/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về giao nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược; Kế hoạch số 3708/KH-UBND ngày 21/3/2026 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, tỉnh đã chủ động rà soát các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, từng bước định hướng hình thành hệ sinh thái nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và phát triển các công nghệ chiến lược phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. UBND tỉnh đang xem xét, ban hành Kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do doanh nghiệp trong nước nghiên cứu, phát triển nhằm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất.

Tỉnh Lâm Đồng đã đề xuất với Bộ Khoa học và Công nghệ 03 sản phẩm công nghệ chiến lược gồm: (1) Trung tâm Dữ liệu lớn khu vực Lâm Đồng; (2) Trung tâm đổi mới sáng tạo nông nghiệp và sinh học; (3) Hệ thống tích trữ năng lượng thông minh (BESS) và quản lý lưới điện.

b) Về hạ tầng đào tạo, nghiên cứu (viện - trường - phòng thí nghiệm)

Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 viện nghiên cứu, 03 trường đại học, hệ thống các trường cao đẳng cùng 16 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 13 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bước đầu hình thành nền tảng cho phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của địa phương.

Tỉnh tiếp tục thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở đào tạo, nghiên cứu với doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, tăng cường hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp lớn như Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn Viettel, Tập đoàn VNPT, Viện hàn lâm khoa học xã hội

Việt Nam và các tổ chức khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

Tỉnh quan tâm hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học đăng ký, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, sáng chế, giải pháp hữu ích gắn với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc thù của địa phương.

Tuy nhiên, hệ thống hạ tầng nghiên cứu, phòng thí nghiệm và các nhóm nghiên cứu mạnh còn hạn chế; liên kết giữa đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả.

(Phụ lục X kèm theo)

c) Hoạt động của doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CDS

Tỉnh Lâm Đồng đã tập trung triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thúc đẩy phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn tỉnh có 16 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 57 tổ chức khoa học và công nghệ cùng các cơ sở ươm tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh. Tỉnh đã tổ chức thành công Techfest Lâm Đồng năm 2025, đưa vào vận hành Cổng thông tin kết nối cung - cầu công nghệ; hỗ trợ kết nối, chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, doanh nghiệp, qua đó có 04 thỏa thuận hợp tác được ký kết về chuyển giao thiết bị, công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh. Trong kỳ báo cáo, tỉnh đã hỗ trợ 04 doanh nghiệp nhỏ và vừa về sở hữu trí tuệ, hệ thống quản lý chất lượng và phát triển tài sản trí tuệ; khảo sát, đánh giá trình độ, năng lực công nghệ đối với 54 doanh nghiệp làm cơ sở xây dựng các giải pháp hỗ trợ đổi mới công nghệ và chuyển đổi số. Đồng thời triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa giai đoạn 2026-2030; tổ chức 15 lớp đào tạo, tập huấn về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng truy xuất nguồn gốc, tiếp cận thị trường Halal và cập nhật các cảnh báo hàng rào kỹ thuật trong thương mại nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Công tác thẩm định, đánh giá công nghệ được tăng cường; đã tham gia ý kiến đối với 92 dự án đầu tư, ưu tiên công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ và phát triển doanh nghiệp theo hướng bền vững.

Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh còn hạn chế; quy mô chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa; chưa hình thành doanh nghiệp công nghệ số có quy mô lớn, có khả năng dẫn dắt và tạo sức lan tỏa đối với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh.

d) Về đăng ký và cấp văn bằng bảo hộ Sở hữu trí tuệ

Công tác phát triển tài sản trí tuệ tiếp tục được quan tâm triển khai, góp phần nâng cao giá trị, năng lực cạnh tranh và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực của địa phương. Tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm tăng cường quản lý, bảo hộ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2252/QĐ-UBND, ngày 23/11/2025 về việc giao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý, quyền sở hữu nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể đối với các sản phẩm mang địa danh Lâm Đồng; Kế hoạch số 4783/KH-UBND, ngày 10/4/2026 triển khai thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; thực hiện cho phép sử dụng địa danh và xác nhận bản đồ địa lý phục vụ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã xác lập quyền đối với 96 nhãn hiệu cộng đồng, gồm 37 nhãn hiệu chứng nhận, 54 nhãn hiệu tập thể và 05 chỉ dẫn địa lý; có 6.336 nhãn hiệu thông thường, 519 kiểu dáng công nghiệp và 24 sáng chế được bảo hộ. Tỉnh đã hỗ trợ trên 350 tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ 37 doanh nghiệp đăng ký bảo hộ nhãn hiệu và 02 đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích.

Triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh. Các nội dung của Chương trình được lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh cũng như các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân, bảo đảm phù hợp với định hướng của Chiến lược sở hữu trí tuệ quốc gia.

Việc khai thác và ứng dụng các đối tượng sở hữu trí tuệ trong thực tiễn tiếp tục được đẩy mạnh thông qua triển khai trên 10 nhiệm vụ khoa học và công nghệ về xây dựng, quản lý, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm chủ lực. Nhiều tài sản trí tuệ như Thanh long Bình Thuận, Nước mắm Phan Thiết, Cà phê Lâm Đồng, Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành và Sầu riêng Đa Huoai đã góp phần nâng cao giá trị gia tăng, mở rộng thị trường tiêu thụ và năng lực cạnh tranh của sản phẩm địa phương.

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 tiếp tục được triển khai với nhiều hình thức phù hợp. Đã phối hợp với các cơ quan truyền thông xây dựng, phát sóng các chuyên mục, phóng sự tuyên truyền về sở hữu trí tuệ trên Đài Phát thanh và Truyền hình địa phương; xây dựng phóng sự với chủ đề “Hiệu quả từ việc gắn xây dựng, quản lý và phát triển các nhãn hiệu cộng đồng với các sản phẩm OCOP của địa phương”; phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam (VTV9) thực hiện phóng sự tuyên truyền, quảng bá nhãn hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” trên sóng truyền hình quốc gia. Đồng thời, tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề, các lớp đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức, năng lực quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ cho đội ngũ cán bộ, doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được tăng cường. Tỉnh đã chỉ đạo triển khai quyết liệt các giải pháp đấu tranh, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm

quyền sở hữu trí tuệ; thành lập Tổ công tác liên ngành triển khai thực hiện Công điện số 38/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp đấu tranh, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời, thường xuyên theo dõi, tổng hợp và báo cáo Cục Sở hữu trí tuệ về tình hình, kết quả phát hiện, bắt giữ và xử lý các vụ việc nghiêm trọng, phức tạp liên quan đến xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định.

Ngoài ra, tỉnh tiếp tục triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đã được phê duyệt từ các năm trước; rà soát, đánh giá hiệu quả và nhu cầu bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở nước ngoài; ban hành văn bản hướng dẫn xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh; tổ chức lớp tập huấn về hoạt động xét và công nhận sáng kiến, đánh giá hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; triển khai thực hiện Quyết định số 54/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh về tổ chức xét, công nhận sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, việc thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích và chuyển hóa tài sản trí tuệ thành tài sản kinh tế thông qua góp vốn, gọi vốn đầu tư hoặc giao dịch trên thị trường khoa học và công nghệ còn hạn chế.

d) Về vận hành Cổng sáng kiến khoa học và công nghệ và Sàn giao dịch công nghệ

Tỉnh đã xây dựng Cổng thông tin kết nối cung - cầu công nghệ tỉnh Lâm Đồng (<https://techport.lamdong.vn>), gồm các chức năng cơ bản: Quản lý và công bố thông tin công nghệ; hỗ trợ kết nối cung - cầu công nghệ; huy động nguồn lực hỗ trợ đổi mới công nghệ; truyền thông và kết nối cộng đồng doanh nghiệp, nhà khoa học, chuyên gia về khoa học và công nghệ.

Thông qua các hội nghị, hội thảo, hoạt động tư vấn và kết nối doanh nghiệp, Cổng thông tin kết nối cung - cầu công nghệ bước đầu phát huy vai trò là đầu mối hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, thúc đẩy ứng dụng công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh. tỉnh Lâm Đồng đã triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu về công nghệ, kết quả nghiên cứu và sản phẩm khoa học và công nghệ với sàn giao dịch khoa học và công nghệ Trung ương thông qua địa chỉ techmartvietnam.vn góp phần mở rộng phạm vi tiếp cận thị trường, nâng cao tính minh bạch của thị trường công nghệ và từng bước hướng tới kết nối, hội nhập với hệ thống sàn giao dịch khoa học và công nghệ trong nước.

Tuy nhiên, nhận thức và nhu cầu đổi mới công nghệ của một bộ phận doanh nghiệp còn hạn chế; khả năng hấp thụ và làm chủ công nghệ chưa đồng đều; đội ngũ nhân lực chuyên sâu về môi giới, định giá và chuyển giao công nghệ còn thiếu; số lượng công nghệ có mức độ sẵn sàng thương mại hóa cao còn ít.

(Phụ lục XI kèm theo)

e) Về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của tỉnh Lâm Đồng sau sáp nhập đã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, từng bước hình thành đội ngũ trí thức tương đối đa ngành, gắn với các lĩnh vực thế mạnh như nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học và du lịch. Toàn tỉnh hiện có trên 5.65/10 ngàn dân

thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, trong đó có đội ngũ tiến sĩ, thạc sĩ và chuyên gia hoạt động trong nhiều lĩnh vực, bước đầu đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương. Đội ngũ này đã có những đóng góp quan trọng trong nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, du lịch - một trụ cột kinh tế của tỉnh, đồng thời tham gia tích cực vào công tác tư vấn, phản biện và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, nhìn tổng thể, nguồn nhân lực KH-CN của tỉnh vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới. Số lượng chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học trình độ cao còn hạn chế; tỷ lệ nhân lực chất lượng cao còn thấp so với nhu cầu, nhất là trong các lĩnh vực mũi nhọn như công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Cơ cấu nhân lực chưa thật sự hợp lý, thiếu các nhóm nghiên cứu mạnh và lực lượng chuyên gia có khả năng dẫn dắt. Bên cạnh đó, cơ chế thu hút, đãi ngộ nhân tài chưa đủ sức cạnh tranh, môi trường nghiên cứu và điều kiện làm việc còn hạn chế, khiến việc thu hút và giữ chân nhân lực chất lượng cao gặp nhiều khó khăn.

Trong năm 2026, Tỉnh ủy đã giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy khẩn trương nghiên cứu, sớm tham mưu ban hành **04** Đề án quan trọng liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW: **(1)** Đề án phát triển, thu hút, trọng dụng nhân tài làm việc tại tỉnh; **(2)** Đề án phát huy vai trò đội ngũ trí thức, nhà khoa học ngoài hệ thống chính trị, phục vụ mục tiêu tăng trưởng 2 con số; góp phần đưa tỉnh Lâm Đồng phát triển nhanh, bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. **(3)** Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, quản lý các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới; **(4)** Đề án nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ cán bộ trẻ, nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ cơ sở nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030, định hướng đến năm 2035. UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ tham mưu chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trên địa bàn tỉnh và Đề án phát triển, thu hút, trọng dụng nhân tài làm việc tại tỉnh.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3978/KH-UBND, ngày 26/3/2026 triển khai thực hiện Quyết định số 2711/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12/12/2025 Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trong thời gian tới, tỉnh xác định tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời mở rộng hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước để thu hút chuyên gia tham gia các chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh sẽ đẩy mạnh việc kết nối, thu hút đội ngũ chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế, từng bước hình thành mạng lưới chuyên gia tư vấn, hỗ trợ phát triển các lĩnh vực công nghệ chiến lược, góp phần nâng cao năng lực nội sinh và thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

g) Về thúc đẩy các mô hình hợp tác 3 Nhà và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

UBND tỉnh bước đầu triển khai các hoạt động kết nối giữa Nhà nước - Nhà khoa học - Doanh nghiệp thông qua hoạt động khảo sát đánh giá nhu cầu cụ thể về công nghệ, thị trường và khả năng thương mại hóa sản phẩm đối với các dự án khởi nghiệp; tổ chức làm việc, ký kết hợp tác giữa UBND tỉnh hoặc các sở, ngành với các viện, trường doanh nghiệp nhằm thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương; đồng thời nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thu hút doanh nghiệp công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Chỉ đạo tổ chức thành công Ngày hội Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng - Techfest Lâm Đồng 2025 với hơn 120 doanh nghiệp, dự án, ý tưởng khởi nghiệp tham không gian trưng bày Techfest Lâm Đồng 2025. Hiện nay, UBND tỉnh đang xem xét đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ đối với Kế hoạch triển khai cơ chế phối hợp "Nhà nước - Nhà trường -Doanh nghiệp" giai đoạn 2026-2030¹².

h) Về phát triển các khu công nghệ cao, đô thị thông minh

UBND tỉnh đang chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thiện Đề án thành lập Khu công nghệ cao Lâm Đồng (*hoàn thành trong năm 2026*). Việc xây dựng Khu công nghệ cao Lâm Đồng nhằm hình thành cực tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là yêu cầu cấp thiết, góp phần tạo động lực phát triển mới, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất lao động, thu hút đầu tư chất lượng cao, phát triển nguồn nhân lực và từng bước đưa Lâm Đồng trở thành trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo của khu vực.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 269/2025/NĐ-CP, ngày 14/10/2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Đề cương Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*hiện đã hoàn thiện dự thảo và đang lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh*). Dự kiến ban hành trong tháng 6 năm 2026.

Việc lập Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vừa tuân thủ Nghị định số 269/2025/NĐ-CP, ngày 14/10/2025 về phát triển đô thị thông minh, vừa là yêu cầu khách quan trong bối cảnh tổ chức lại đơn vị hành chính và mô hình chính quyền 2 cấp, đồng thời là một trong những công cụ quan trọng để thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh, thông minh, bền vững giai đoạn 2025 - 2030 và tầm nhìn 2050, tập trung trọng tâm ưu tiên phát triển đô thị thông minh cho 05 đô thị thuộc Tỉnh (*Đà Lạt, Bảo Lộc, Phan Thiết, Gia Nghĩa, La Gi*) sẽ là tiền đề để nhân rộng xây dựng và phát

¹² Công văn số 2540/SKHCN-CN&ĐMST ngày 12/6/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị ban hành Kế hoạch triển khai cơ chế phối hợp "Nhà nước - Nhà trường -Doanh nghiệp" giai đoạn 2026-2030.

triển đô thị thông minh cho toàn tỉnh Lâm Đồng. Đồng thời đề án sẽ là cơ sở thu hút đầu tư, khuyến khích phát triển theo từng giai đoạn đối với các dịch vụ cơ bản và dịch vụ ưu tiên về đô thị thông minh...

i) Việc triển khai Trí tuệ nhân tạo (AI - First)

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, trong đó có trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động quản lý nhà nước, tỉnh Lâm Đồng đã từng bước triển khai các hoạt động tiếp cận, nghiên cứu và thí điểm ứng dụng AI trong điều hành và thực thi công vụ. Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với VNPT Lâm Đồng triển khai thí điểm giải pháp Nền tảng tri thức thông minh -iKNOW tại 124 UBND cấp xã tuy nhiên nền tảng không đạt được hiệu quả theo yêu cầu. Hiện nay, đang tiếp tục phối hợp Viettel đang triển khai thí điểm nền tảng “Trợ lý ảo AI” phục vụ công tác điều hành, xử lý công việc trong cơ quan nhà nước. Tính đến ngày 05/6/2026, Viettel đã hoàn thành việc tạo tài khoản cho 203 đơn vị Đảng, chính quyền cấp tỉnh, xã, phường và đặc khu trên địa bàn tỉnh có nhu cầu ứng dụng AI vào công việc; cơ bản hoàn thành triển khai tài khoản trên phạm vi toàn tỉnh. Hệ thống bước đầu hỗ trợ cán bộ, công chức trong tổng hợp thông tin, tra cứu văn bản, xây dựng nội dung tham mưu, hỗ trợ xử lý công việc hành chính và nâng cao hiệu quả làm việc trên môi trường số.

Sở Khoa học và Công nghệ đang phối hợp với đơn vị cung cấp giải pháp tiến hành thí điểm ứng dụng AI để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp việc giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh. Phối hợp triển khai thử nghiệm ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, sẽ triển khai thử nghiệm tại 6 đơn vị hành chính cấp xã, với các nội dung giải pháp: (1) Trung tâm tri thức hình ảnh và giám sát thông minh (*Hệ thống AI tự động phân tích và cảnh báo thông minh*); (2) Trợ lý ảo hành chính công hỗ trợ người dân trong việc thực hiện các thủ tục dịch vụ công.

Ngoài ra, các nền tảng AI phục vụ tài chính - kế toán, quản trị điều hành và hỗ trợ công việc chuyên môn như MISA AI cũng đang được các cơ quan, đơn vị từng bước nghiên cứu, tiếp cận và triển khai thử nghiệm nhằm nâng cao năng suất lao động, hiện đại hóa quy trình xử lý công việc và thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

k) Việc phát triển kinh tế dữ liệu

Thời gian qua, tỉnh Lâm Đồng đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển dữ liệu số, từng bước hình thành nền tảng cho phát triển kinh tế dữ liệu theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW. Công tác xây dựng, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu được triển khai gắn với Đề án 06 của Chính phủ, chuyển đổi số toàn diện và phát triển chính quyền số.

Về hoàn thiện thể chế, tỉnh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đề án 06 và các quy định liên quan đến quản trị, khai thác và chia sẻ dữ liệu số; từng bước chuẩn hóa quy trình thu thập, cập nhật, đồng bộ và sử dụng dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực. Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành tiếp tục được xây dựng, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tạo nền tảng cho việc hình thành kho dữ liệu dùng chung phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

Việc khai thác dữ liệu số phục vụ người dân và doanh nghiệp đạt nhiều kết quả tích cực. Đến nay, 100% thủ tục hành chính có phát sinh nghĩa vụ tài chính đã triển khai thanh toán trực tuyến; tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực y tế đạt 72,9% tổng giá trị giao dịch và 53,3% tổng lượt thanh toán. Tỷ lệ chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản đạt 78,94%, góp phần thúc đẩy dòng chảy dữ liệu tài chính số và hình thành các dịch vụ số trên nền tảng dữ liệu.

Trong lĩnh vực y tế, việc sử dụng căn cước công dân thay thế thẻ bảo hiểm y tế tiếp tục được duy trì hiệu quả với tỷ lệ tra cứu thành công đạt 85,3%; 36 cơ sở y tế đã triển khai và tổ chức thăm định bệnh án điện tử, trong đó 16 đơn vị đã công bố đủ điều kiện trên hệ thống của Bộ Y tế; tỷ lệ hồ sơ bệnh án điện tử đạt 40,2%. 100% cơ sở khám chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu giấy khám sức khỏe lái xe, giấy chứng sinh và giấy báo tử. Đây là những tiền đề quan trọng để hình thành dữ liệu y tế số, phục vụ quản lý, dự báo và cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thông minh.

Việc phát triển dữ liệu số phục vụ người dân tiếp tục được đẩy mạnh thông qua cấp phát khoảng 100.000 chứng thư số công cộng; triển khai ứng dụng Công dân số Lâm Đồng và các tiện ích trên ứng dụng VNeID. Nhiều mô hình khai thác dữ liệu dân cư đã được triển khai hiệu quả như thông báo lưu trú điện tử trong cơ sở khám chữa bệnh và cơ sở lưu trú, cấp phiếu lý lịch tư pháp trên VNeID với tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt trên 90%; đồng thời cập nhật dữ liệu liệt sĩ, thân nhân liệt sĩ phục vụ Đề án xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bằng công nghệ ADN.

So với thời điểm đầu năm 2025, quy mô dữ liệu số được hình thành, kết nối và khai thác trên địa bàn tỉnh đã tăng đáng kể; tỷ lệ giao dịch số, hồ sơ số và dịch vụ số phát sinh trên môi trường điện tử tiếp tục tăng trưởng mạnh. Dữ liệu từng bước trở thành nguồn lực quan trọng phục vụ quản trị xã hội, cải cách hành chính, phát triển dịch vụ số và thúc đẩy kinh tế số.

Tuy nhiên, việc phát triển kinh tế dữ liệu vẫn còn một số khó khăn, hạn chế. Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành giữa các ngành, lĩnh vực chưa thực sự đồng bộ; chất lượng dữ liệu tại một số đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu khai thác chuyên sâu; việc chia sẻ và mở dữ liệu còn hạn chế. Khung pháp lý về dữ liệu, định giá dữ liệu, giao dịch dữ liệu và thị trường dữ liệu đang trong quá trình hoàn thiện; nguồn lực đầu tư cho hạ tầng dữ liệu, nền tảng phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu còn hạn chế. Bên cạnh đó, các mô hình kinh doanh dựa trên dữ liệu chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, chưa hình thành rõ nét thị trường dữ liệu và hệ sinh thái khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, làm giàu, chuẩn hóa và kết nối các cơ sở dữ liệu dùng chung; thúc đẩy mở dữ liệu, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong quản trị và cung cấp dịch vụ công; đồng thời nghiên cứu các mô hình khai thác dữ liệu tạo giá trị gia tăng, góp phần hình thành nền kinh tế dữ liệu và phát triển kinh tế số theo định hướng của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

I) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, ĐSMT nghiên cứu cơ bản/ứng dụng

Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm triển khai, từng bước gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thực tiễn của địa phương, doanh nghiệp. Tỉnh đã tập trung triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số, phát triển tài sản trí tuệ, bảo tồn và phát triển nguồn gen, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển các sản phẩm đặc trưng của địa phương. Nhiều kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và quản lý, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả quản lý nhà nước.

Công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiếp tục được tăng cường. Từ tháng 01/2025 đến nay, tỉnh đang theo dõi, quản lý 103 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gồm 10 nhiệm vụ cấp quốc gia, 79 nhiệm vụ cấp tỉnh và 14 nhiệm vụ cấp cơ sở; đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống báo cáo phục vụ công tác quản lý, theo dõi tiến độ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn; đã tổ chức ký hợp đồng 16 nhiệm vụ KH&CN mới; tổ chức nghiệm thu 39 nhiệm vụ KH&CN, sau khi nghiệm thu 39 nhiệm vụ KH&CN đã được bàn giao để ứng dụng vào thực tiễn; đào tạo được 06 thạc sĩ thông qua nhiệm vụ KH&CN (kèm danh mục chi tiết)

Hoạt động đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường khoa học và công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh. Toàn tỉnh hiện có 57 tổ chức khoa học và công nghệ, 16 doanh nghiệp khoa học và công nghệ tham gia hoạt động nghiên cứu, chuyên gia công nghệ và kết nối cung - cầu công nghệ. Tỉnh đã đưa vào vận hành Cổng thông tin kết nối cung - cầu công nghệ tỉnh Lâm Đồng, hỗ trợ kết nối cho 08 tổ chức, doanh nghiệp; đồng thời đã có 04 thỏa thuận hợp tác được ký kết về chuyên gia thiết bị, công nghệ phục vụ chế biến nông sản, phần mềm quản trị doanh nghiệp và truy xuất nguồn gốc.

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiếp tục được quan tâm. Tỉnh đã thực hiện thẩm định công nghệ đối với 92 dự án đầu tư; khảo sát, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của 54 doanh nghiệp nhằm làm cơ sở xây dựng các giải pháp hỗ trợ đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ từng bước phát huy vai trò là tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp về đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

Nhìn chung, so với đầu năm 2025, hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh đã có bước phát triển tích cực. Mối liên kết giữa nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ với nhu cầu của doanh nghiệp, thị trường và yêu cầu phát triển của địa phương ngày càng được tăng cường; kết quả nghiên cứu từng bước được thương mại hóa và ứng dụng vào thực tiễn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

V. VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCCN, ĐMST, CDS

1. Tình hình triển khai thực hiện năm 2025

Tổng kinh phí được cấp 484,464 tỷ đồng; trong đó: Chi thường xuyên 139,574 tỷ đồng, giải ngân được 89,464 tỷ đồng, đạt 64,1%; Chi đầu tư 344,890 tỷ đồng (trong đó: Kinh phí địa phương: 32,488 tỷ đồng, giải ngân được 31,227805 tỷ đồng, đạt 96,1%; Kinh phí trung ương: 312,402 tỷ đồng).

Đối với nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh Lâm Đồng (cũ), sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, việc tổ chức lại không gian phát triển, mô hình quản lý, hạ tầng số và các hệ thống thông tin dùng chung đã làm thay đổi nhiều yêu cầu, mục tiêu đầu tư so với thời điểm xây dựng dự toán đầu năm. Qua rà soát, đánh giá thực trạng, một số hạng mục, nhiệm vụ chuyển đổi số đã được phê duyệt trước đây không còn phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh sau sáp nhập nên không tiếp tục triển khai. Để bảo đảm sử dụng ngân sách hiệu quả, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ động rà soát, đánh giá tổng thể các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn; đồng thời đề xuất điều chỉnh dự toán từ các hạng mục không còn nhu cầu thực hiện sang các nhiệm vụ cấp thiết, phù hợp với mô hình tổ chức và yêu cầu phát triển của tỉnh sau sáp nhập theo Công văn số 1706/SKHCCN-TC ngày 23/10/2025. Bên cạnh đó, Sở Khoa học và Công nghệ đã trình UBND tỉnh xem xét, cho chủ trương triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành của tỉnh sau sáp nhập. Tuy nhiên, do phải tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ, cập nhật phương án triển khai và giải trình theo yêu cầu của UBND tỉnh nên đến hết ngày 31/12/2025 các chủ trương đầu tư, triển khai nhiệm vụ chưa được phê duyệt. Vì vậy, các nhiệm vụ chưa đủ điều kiện để tổ chức thực hiện và giải ngân kinh phí theo quy định.

2. Tình hình triển khai thực hiện năm 2026

Theo Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho địa phương:

- Kinh phí chi thường xuyên chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương là 107,3 tỷ đồng; đến nay, Tỉnh đã giao là 398,497 tỷ đồng, trong đó:

+ Kinh phí chi cho KHCCN, ĐMST & CDS cấp tỉnh là 220,177 tỷ đồng. Tổng kinh phí chuyển nguồn sang năm 2026 là 39,116 tỷ đồng. Hiện đã giải ngân được 35,725 tỷ đồng (đạt 16,2%).

+ Kinh phí chi KHCCN, ĐMST & CDS cấp xã là 178,32 tỷ đồng. Hiện đã giải ngân được 267 triệu đồng (đạt 0,15%).

- Kinh phí chi đầu tư phát triển chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương là 273,257 tỷ đồng; đến nay, Tỉnh đã bố trí là 158,190 tỷ đồng. Sắp tới Tỉnh dự kiến sẽ phân bổ bổ sung kinh phí đầu tư công năm 2026 là: 115,067 tỷ đồng cho 02 dự án. Như vậy, kinh phí chi đầu tư phát triển tỉnh dự kiến bố trí năm 2026 là 273,257 tỷ đồng để thực hiện 03 dự án đầu tư của Sở Khoa học và Công nghệ. Trong đó, dự kiến tiến độ giải ngân kinh phí năm 2026 đối với các dự án đầu tư của Sở Khoa học và Công nghệ như sau:

+ Đối với dự án “*Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng*” với tổng mức đầu tư là 594,093 tỷ đồng. Trong đó: Vốn Trương ương là 437,903 tỷ đồng, kinh phí năm 2025 chuyển sang năm 2026 31,402 tỷ đồng, đã giải ngân 750 triệu đồng; Vốn địa phương: 156,190 tỷ đồng (chưa giải ngân).

+ Đối với dự án “*Nâng cấp, cải tạo và mua sắm bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*”: UBND tỉnh đã được phê duyệt chủ trương đầu tư (theo Quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 11/5/2026), với tổng kinh phí là 50 tỷ đồng, kinh phí đề nghị phân bổ năm 2026 là 27 tỷ đồng, đã cấp là 600 triệu đồng để thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Hiện nay dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt, đang triển khai các bước tiếp theo.

+ Đối với dự án “*Đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của UBND cấp xã và triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*”, tổng kinh phí dự kiến là 219 tỷ đồng, đã được cấp 1,4 tỷ đồng để thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ đang hoàn thiện Báo cáo khả thi để trình UBND tỉnh phê duyệt dự án.

(Phụ lục XII kèm theo)

VI. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHCN, ĐMST, CDS

Tỉnh đã tổ chức và phối hợp tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo khoa học có quy mô quốc gia và quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, kết nối các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp và nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tiêu biểu như Hội thảo quốc tế “*Chiến lược và tầm nhìn mới cho phát triển Cao nguyên Di Linh*”; Hội thảo Hợp tác Công nghệ Y sinh Việt Nam - Cuba do Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Viện Kinh tế Xanh phối hợp tổ chức nhằm cụ thể hóa và triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; Hội thảo khoa học về những định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo; Hội thảo khoa học cấp quốc gia với chủ đề “*Kinh tế xanh và phát triển bền vững*”. Các hoạt động này đã góp phần tăng cường trao đổi học thuật, kết nối tri thức, công nghệ và nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học tiếp tục được duy trì và mở rộng. Trường Đại học Phan Thiết và Đại học Liège (Vương quốc Bỉ) đã kết thúc thành công Dự án hợp tác Việt Nam - Bỉ giai đoạn 2022 - 2024 về xây dựng chuỗi sản xuất bền vững nghề nuôi chim yến tại tỉnh Bình Thuận; đồng thời tiếp tục triển khai Dự án giai đoạn 2025 - 2027 về thiết lập ngành sản xuất tổ yến bền vững, tập trung nghiên cứu các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến nghề nuôi yến, đa dạng hóa sản phẩm từ tổ yến và nâng cao giá trị gia tăng của ngành hàng.

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường Đại học Đà Lạt tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đạt nhiều kết quả nổi bật trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế. Trong thời gian qua, Trường đã tổ chức thành công 04 sự kiện quốc tế quan trọng với sự tham gia của nhiều chuyên gia, nhà khoa học và tổ chức quốc tế; đồng thời ký kết 20 biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc và nhiều quốc gia khác. Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, Trường đang triển khai 02 dự án hợp tác quốc tế với tổng kinh phí tài trợ trên 92.000 EUR và 120.000 KRW, góp phần

nâng cao năng lực nghiên cứu, mở rộng mạng lưới đối tác và tăng cường hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, Trường Đại học Đà Lạt đang hoàn thiện hồ sơ đề xuất dự án ODA về thúc đẩy phát triển công nghiệp sinh học trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh tiếp tục tăng cường hợp tác với các đối tác quốc tế trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, năng lượng tái tạo và chuyển đổi số. Trong thời gian qua, tỉnh đã hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận và ứng dụng 06 quy trình công nghệ tiên tiến từ nước ngoài vào sản xuất nông nghiệp và dược liệu. Đồng thời, triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo với Tổ chức Nghiên cứu Khoa học và Công nghiệp Khôị Thịnh vượng chung Australia (CSIRO); hợp tác trong lĩnh vực trồng trọt và công nghệ sau thu hoạch với thành phố Westland (Hà Lan); hợp tác phát triển đô thị thông minh, đô thị xanh với thành phố Chuncheon (Hàn Quốc).

Trong lĩnh vực chuyển đổi số và thông tin đối ngoại, tỉnh tiếp tục duy trì, vận hành ổn định và an toàn các hệ thống hạ tầng số dùng chung, hệ thống thư điện tử công vụ và các nền tảng số phục vụ chỉ đạo, điều hành. Công thông tin điện tử của tỉnh thu hút trung bình từ 450.765 đến 470.225 lượt truy cập quốc tế mỗi tháng đến từ khoảng 74 - 75 quốc gia và vùng lãnh thổ. Các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng được triển khai đồng bộ, góp phần bảo vệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước và chủ động phòng ngừa các nguy cơ mất an toàn trên môi trường mạng.

Tỉnh tiếp tục thực hiện nghiêm túc các cam kết quốc tế với UNESCO trong bảo tồn và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông và Thành phố sáng tạo âm nhạc Đà Lạt; tham gia Hội nghị quốc tế về hang động núi lửa lần thứ 20 (ISV20), Hội nghị Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu cùng nhiều hoạt động hợp tác quốc tế khác. Đồng thời, đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, quảng bá tiềm năng, thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh thông qua các nền tảng số, hội nghị, hội thảo và các diễn đàn quốc tế.

Nhìn chung, hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh tiếp tục được mở rộng cả về quy mô và chất lượng; góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp nhận và làm chủ công nghệ mới; tăng cường kết nối với các tổ chức, chuyên gia, doanh nghiệp quốc tế; thu hút nguồn lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, qua đó đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh.

VII. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, kịp thời. Trên cơ sở đó, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao; xác định rõ nội dung trọng tâm, lộ trình thực hiện và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tiếp tục được đổi mới theo hướng

tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành và xử lý công việc; một số cơ quan, đơn vị đã chủ động thử nghiệm và từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động, bước đầu đạt được một số kết quả tích cực. Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai sâu rộng, tạo sự lan tỏa tích cực trong xã hội, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên và người dân.

Công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số tiếp tục được đẩy mạnh; tỷ lệ cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến từng bước được nâng lên; việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử có nhiều chuyển biến tích cực. Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số tiếp tục được quan tâm triển khai. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và duy trì hoạt động ổn định của các hệ thống thông tin được chú trọng thực hiện.

Trong khối các cơ quan Đảng, việc triển khai chuyển đổi số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tiếp tục được đẩy mạnh; các hệ thống quản lý văn bản, điều hành tác nghiệp, chữ ký số được sử dụng ngày càng đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc và từng bước hình thành môi trường làm việc số trong các cơ quan đảng.

Trong khối Hội đồng nhân dân tỉnh, việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động giám sát, thẩm tra, tổ chức kỳ họp, xử lý tài liệu và trao đổi thông tin tiếp tục được tăng cường; góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND tỉnh và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan liên quan.

Trong khối UBND tỉnh và các cơ quan chính quyền, công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực; việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu và nền tảng số dùng chung được quan tâm triển khai đồng bộ. Qua đó từng bước tạo chuyển biến tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và chất lượng phục vụ Nhân dân.

Trong khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, việc ứng dụng nền tảng số, công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, vận động, nắm bắt tình hình Nhân dân và triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” được đẩy mạnh; qua đó góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng số và tạo sự lan tỏa tích cực trong cộng đồng dân cư.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện vẫn còn một số khó khăn, hạn chế, cụ thể:

(1) Một số nhiệm vụ triển khai còn chậm tiến độ, nhất là các nhiệm vụ liên quan đến dữ liệu số, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, kết nối và chia sẻ dữ liệu, phát triển kinh tế số, thương mại hóa sản phẩm công nghệ chiến lược và triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ gắn với các bài toán lớn của địa phương. Việc lựa chọn, đặt hàng và tổ chức triển khai các bài toán lớn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh còn chậm, chưa hình thành rõ các mô hình có tính dẫn dắt và lan tỏa.

(2) Công tác xây dựng, chuẩn hóa, làm sạch, kết nối và tái sử dụng dữ liệu giữa các ngành, địa phương chưa đồng bộ; dữ liệu còn phân tán, thiếu tính liên thông và chưa đáp ứng yêu cầu khai thác phục vụ chỉ đạo, điều hành, phát triển ứng dụng số và trí tuệ nhân tạo (AI).

(3) Việc ứng dụng AI trong hoạt động của cơ quan nhà nước mới ở giai đoạn thử nghiệm, phạm vi còn hẹp; chưa hình thành hệ sinh thái dữ liệu đủ lớn phục vụ khai thác hiệu quả. Nguồn nhân lực có kỹ năng về dữ liệu, AI và chuyển đổi số còn thiếu; năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện ở một số đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

(4) Hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin và điều kiện bảo đảm phục vụ chuyển đổi số tại một số địa phương, nhất là cấp cơ sở, vùng sâu, vùng xa còn hạn chế; việc rà soát, nâng cấp hạ tầng và bảo đảm an toàn thông tin có nơi còn chậm. Phong trào “Bình dân học vụ số” tuy đã tạo sự lan tỏa nhưng hiệu quả chưa đồng đều giữa các địa phương; vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng ở một số nơi chưa phát huy đầy đủ.

(5) Cơ chế, chính sách về tài chính, định mức chi, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hướng dẫn triển khai một số nội dung mới về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa đồng bộ, cần tiếp tục được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

(6) Việc xác định tối thiểu 03 bài toán lớn gắn với điều kiện thực tiễn, lợi thế và dư địa tăng trưởng của địa phương để làm cơ sở đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vẫn chưa được triển khai đầy đủ, còn chậm so với yêu cầu.

Phần 2

HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ

I. HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ

1. Nâng cấp hạ tầng Internet băng rộng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

Vấn đề giải quyết: Hạ tầng mạng tại nhiều Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã chưa đáp ứng nhu cầu khai thác dịch vụ công trực tuyến ngày càng tăng sau sáp nhập và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Giải pháp thực hiện: Triển khai nâng cấp đồng bộ hạ tầng Internet băng rộng và Wifi công cộng theo Kế hoạch số 3450/KH-UBND ngày 17/3/2026; phối hợp doanh nghiệp viễn thông triển khai Wifi 6/7 tốc độ cao tại bộ phận một cửa cấp xã.

Kết quả bước đầu: 47/124 đơn vị vận hành thành công Wifi 6/7; Tốc độ truy cập đạt trên 1 Gb/s; Đáp ứng ổn định khoảng 100–200 lượt truy cập đồng thời; 63/124 đơn vị hoàn thành phương án kỹ thuật triển khai.

Tác động: Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; cải thiện trải nghiệm sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số cấp cơ sở.

Bài học kinh nghiệm: Cần ưu tiên đầu tư hạ tầng số tại cơ sở, đẩy mạnh phối hợp công - tư với doanh nghiệp viễn thông và triển khai theo hướng đồng bộ, dùng chung.

Vai trò người đứng đầu: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, đôn đốc tiến độ triển khai và kiểm tra vận hành tại cơ sở.

Đầu mối liên hệ: Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và thị trường khoa học công nghệ

Vấn đề giải quyết: Hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh còn phân tán; thiếu cơ chế kết nối hiệu quả giữa nghiên cứu, doanh nghiệp và thị trường.

Giải pháp thực hiện: Tỉnh đã chủ động hoàn thiện thể chế, ban hành nhiều cơ chế, chính sách tạo hành lang pháp lý cho hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đồng thời xây dựng, vận hành Cổng thông tin kết nối cung – cầu công nghệ tỉnh Lâm Đồng nhằm thúc đẩy kết nối nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ. Song song đó, triển khai khảo sát, đánh giá hiện trạng công nghệ và năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp để xây dựng các chính sách hỗ trợ phù hợp.

Kết quả bước đầu: Vận hành Cổng thông tin kết nối cung - cầu công nghệ tỉnh Lâm Đồng; bước đầu hình thành mạng lưới kết nối chuyển giao thiết bị, phần mềm quản trị và truy xuất nguồn gốc; quản lý hiệu quả trên 51 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý; công bố chỉ dẫn địa lý “Cà phê Lâm Đồng”; triển khai bảo hộ nhãn hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” tại Hàn Quốc và Nhật Bản; hỗ trợ nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa xác lập, quản lý quyền sở hữu trí tuệ.

Tác động: Góp phần thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp địa phương, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ và mở rộng thị trường.

Bài học kinh nghiệm: Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo cần gắn hoàn thiện thể chế với nền tảng số, phát triển tài sản trí tuệ và hỗ trợ doanh nghiệp theo nhu cầu thực tiễn của thị trường.

Vai trò người đứng đầu: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, đôn đốc tiến độ triển khai và kiểm tra kết quả thực hiện.

Đầu mối liên hệ: Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Phát triển tài sản trí tuệ gắn với sản phẩm đặc trưng địa phương

Vấn đề giải quyết: Nhiều sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP của địa phương chưa được bảo hộ và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ.

Giải pháp thực hiện: Đẩy mạnh hỗ trợ đăng ký, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ; triển khai bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

Kết quả bước đầu: Quản lý hiệu quả trên 51 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý; công bố chỉ dẫn địa lý “Cà phê Lâm Đồng”; Triển khai bảo hộ nhãn hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” tại Hàn Quốc và Nhật Bản; hỗ trợ nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

Tác động: Nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản địa phương, hỗ trợ mở rộng thị trường và tăng năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Bài học kinh nghiệm: Phát triển tài sản trí tuệ gắn với chiến lược thương hiệu, thị trường và chuyển đổi số trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Vai trò người đứng đầu: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, đơn đốc tiến độ triển khai và kiểm tra kết quả thực hiện.

Đầu mối liên hệ: Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Triển khai nền tảng số và ứng dụng AI hỗ trợ chính quyền cơ sở

Vấn đề giải quyết: Sau sáp nhập và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, khối lượng công việc tại cấp xã tăng mạnh nhất là việc thực hiện các báo cáo chuyên đề, định kỳ, đột xuất.

Giải pháp thực hiện: Tỉnh triển khai Hệ thống báo cáo (LRIS) để hỗ trợ các địa phương trong báo cáo số liệu chuyên đề, định kỳ, đột xuất trên hệ thống.

Kết quả bước đầu: UBND cấp xã sẽ tiết kiệm được thời gian khi thực hiện các báo cáo chuyên đề, định kỳ, đột xuất; đồng thời có thể triển khai cho các thôn, bản thực hiện việc báo cáo trên hệ thống theo nhu cầu của từng xã, phường, đặc khu.

Tác động: Thuận lợi cho công tác báo cáo, hình thành và quản lý được các dữ liệu, số liệu về kinh tế - xã hội của từng địa phương.

Bài học kinh nghiệm: Việc triển khai các hệ thống phải gắn với nhu cầu, thực tiễn của hoạt động quản lý nhà nước.

Vai trò người đứng đầu: Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp triển khai.

Đầu mối liên hệ: Văn phòng UBND tỉnh.

5. Hợp nhất và vận hành thống nhất hệ thống quản lý văn bản điện tử sau sáp nhập

Vấn đề giải quyết: Sau sáp nhập địa phương, dữ liệu và hệ thống quản lý văn bản giữa các đơn vị chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường số.

Giải pháp thực hiện: Triển khai hợp nhất dữ liệu, vận hành thống nhất Hệ thống quản lý văn bản và điều hành toàn tỉnh; kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng LGSP tỉnh.

Kết quả bước đầu: Hoàn thành khai báo cho 169 đơn vị với hơn 30.000 tài khoản người dùng; thực hiện hợp nhất dữ liệu văn bản của các địa phương sau sáp nhập; 100% lãnh đạo và chuyên viên giải quyết TTHC được trang bị chữ ký số chuyên dùng công vụ.

Tác động: Nâng cao hiệu quả xử lý công việc trên môi trường số, giảm văn bản giấy, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và bảo đảm điều hành thông suốt toàn tỉnh.

Vai trò người đứng đầu: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, đơn đốc tiến độ triển khai và kiểm tra vận hành tại cơ sở.

Đầu mối liên hệ: Sở Khoa học và Công nghệ.

6. Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh

Vấn đề giải quyết: Kỹ năng số của người dân, đặc biệt tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận dịch vụ số và dịch vụ công trực tuyến.

Giải pháp thực hiện: Triển khai nền tảng “Bình dân học vụ số” và xây dựng “Sổ tay điện tử Bình dân học vụ số tỉnh Lâm Đồng” với gần 100 học liệu điện tử; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong hướng dẫn người dân.

Kết quả bước đầu: Hơn 119.000 lượt người tham gia học tập, tiếp cận kỹ năng số; 100% xã, phường, đặc khu thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng; từng bước nâng cao khả năng sử dụng nền tảng số và dịch vụ số của người dân.

Tác động: Góp phần hình thành xã hội số, nâng cao nhận thức và kỹ năng số trong cộng đồng, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện từ cơ sở.

Vai trò người đứng đầu: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, đơn đốc tiến độ triển khai và kiểm tra kết quả triển khai tại cơ sở.

Đầu mối liên hệ: Sở Khoa học và Công nghệ.

7. Đẩy mạnh số hóa dữ liệu và triển khai tiện ích số cho người dân

Vấn đề giải quyết: Dữ liệu chuyên ngành còn phân tán, việc khai thác và sử dụng dữ liệu số phục vụ người dân, doanh nghiệp chưa đồng bộ.

Giải pháp thực hiện: Đẩy mạnh kết nối, làm sạch dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai các tiện ích số trên VNeID, hồ sơ sức khỏe điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và ứng dụng Công dân số Lâm Đồng.

Kết quả bước đầu: Tạo lập trên 3,18 triệu hồ sơ sức khỏe điện tử; kích hoạt hơn 2,23 triệu tài khoản định danh điện tử; 100% TTHC có nghĩa vụ tài chính triển khai thanh toán trực tuyến; triển khai hiệu quả các tiện ích số trong y tế, lưu trú, lý lịch tư pháp và an sinh xã hội.

Tác động: Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, thúc đẩy khai thác dữ liệu số phục vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế số, xã hội số.

Vai trò người đứng đầu: Lãnh đạo Công an tỉnh thường xuyên chỉ đạo kiểm tra tiến độ triển khai Đề án 06, trực tiếp đơn đốc công tác số hóa dữ liệu và triển khai tiện ích số cho người dân.

Đầu mối liên hệ: Công an tỉnh Lâm Đồng - Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (PC06).

8. Triển khai, duy trì và mở rộng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến toàn tỉnh

Vấn đề giải quyết: Sau sáp nhập tỉnh, địa bàn quản lý rộng, số lượng đơn vị hành chính tăng, yêu cầu chỉ đạo, điều hành nhanh, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở đặt ra cấp thiết; trong khi hình thức hội họp trực tiếp trước đây phát sinh nhiều thời gian, chi phí và chưa đáp ứng yêu cầu điều hành theo thời gian thực.

Giải pháp thực hiện: Tỉnh đã duy trì, nâng cấp và mở rộng hạ tầng hội nghị truyền hình trực tuyến trong 04 khối, bảo đảm kết nối thông suốt từ cấp tỉnh đến 124 xã, phường, đặc khu. Đồng thời, thực hiện nâng cấp hạ tầng mạng, trang thiết bị và đường truyền phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến theo hướng đồng bộ, ổn định và an toàn thông tin. Việc triển khai được thực hiện trên cơ sở tận dụng hạ tầng sẵn có, kết hợp đầu tư bổ sung các thiết bị cần thiết nhằm bảo đảm hiệu quả sử dụng và tiết kiệm chi phí.

Cơ chế, hạ tầng, nền tảng sử dụng: Sử dụng hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến bảo mật và các nền tảng điều hành phục vụ kết nối, chỉ đạo, điều hành liên thông từ tỉnh đến cơ sở.

Nguồn lực, kinh phí, thời gian triển khai: Triển khai trong năm 2026 từ nguồn kinh phí chuyển đổi số, đầu tư công và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Kết quả định lượng: Hạ tầng hội nghị trực tuyến trong 04 khối được duy trì ổn định và mở rộng kết nối đến 124 xã, phường, đặc khu, bảo đảm phục vụ hiệu quả các cuộc họp, giao ban, chỉ đạo điều hành trực tuyến từ tỉnh đến cơ sở.

Tác động: Nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành; rút ngắn thời gian triển khai nhiệm vụ; giảm chi phí tổ chức hội họp, đi lại; tăng cường khả năng xử lý công việc theo thời gian thực giữa tỉnh và cơ sở; góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động của hệ thống chính trị.

Bài học và điều kiện nhân rộng: Cần có sự chỉ đạo thống nhất, hạ tầng mạng ổn định, cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị và đội ngũ kỹ thuật tại cơ sở để bảo đảm vận hành hiệu quả. Mô hình có thể nhân rộng đối với các ngành, lĩnh vực có hệ thống điều hành liên thông từ tỉnh đến cơ sở.

Vai trò người đứng đầu: Lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, kiểm tra tiến độ và vận hành hệ thống tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đầu mối liên hệ: Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Khoa học và Công nghệ.

9. Xây dựng phần mềm báo cáo ngày và quản lý, đánh giá chỉ tiêu công tác Công an và ứng dụng “Danh bạ Công an Lâm Đồng” trên nền tảng thiết bị di động

Vấn đề giải quyết: Khối lượng báo cáo lớn, thực hiện thủ công, phân tán, khó theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu của các đơn vị, địa phương. Người dân còn gặp khó khăn trong việc tra cứu thông tin liên hệ của Công an các đơn vị, địa phương, nhất là khi cần phản ánh, tố giác tội phạm, liên hệ giải quyết thủ tục hành chính hoặc xử lý tình huống khẩn cấp, dẫn đến mất thời gian và ảnh hưởng hiệu quả tương tác giữa lực lượng Công an với Nhân dân.

Giải pháp thực hiện: Công an tỉnh chủ động nghiên cứu, xây dựng các phần mềm ứng dụng: (1) Phần mềm báo cáo ngày và quản lý, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu công tác Công an theo hướng số hóa toàn bộ quy trình tổng hợp, theo dõi và đánh giá nhiệm vụ của Công an các đơn vị, địa phương; (2) Ứng dụng “Danh bạ Công an Lâm Đồng” trên nền tảng thiết bị di động phục vụ người dân tra cứu nhanh thông tin liên hệ của Công an các đơn vị, địa phương, số điện thoại trực ban, địa chỉ đơn vị, hỗ trợ tiếp cận thuận tiện các dịch vụ, thông tin cần thiết liên quan đến an ninh, trật tự và thủ tục hành chính.

Cơ chế, nền tảng sử dụng: (1) Phần mềm báo cáo ngày và quản lý, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu công tác Công an được triển khai trên hệ thống mạng máy tính nội bộ Công an tỉnh có bảo mật phục vụ công tác quản lý, thống kê, tổng hợp và điều hành; (2) Ứng dụng “Danh bạ Công an Lâm Đồng” được phát triển trên nền tảng thiết bị di động, cơ sở dữ liệu quản lý tập trung và cập nhật dữ liệu thường xuyên, hỗ trợ người dân tra cứu thông tin theo địa bàn, lĩnh vực công tác.

Nguồn lực, kinh phí, thời gian triển khai: Triển khai bằng nguồn lực nội bộ và cán bộ kỹ thuật của Công an tỉnh trong năm 2026.

Kết quả định lượng: (1) Phần mềm báo cáo ngày và quản lý, đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu công tác Công an đáp ứng yêu cầu tổng hợp, theo dõi chỉ tiêu công tác của 154 đơn vị, địa phương; giảm đáng kể thời gian tổng hợp báo cáo và xử lý số liệu; (2) Ứng dụng “Danh bạ Công an Lâm Đồng” hỗ trợ người dân tra cứu nhanh thông tin liên hệ của Công an các đơn vị, địa phương trên toàn tỉnh, góp phần tăng số lượng tương tác trực tuyến, giảm thời gian tìm kiếm thông tin và nâng cao hiệu quả tiếp nhận, xử lý thông tin từ người dân.

Tác động: Nâng cao tính chính xác, kịp thời trong công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành; giảm áp lực công việc thủ công; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường kết nối giữa lực lượng Công an với người dân, nâng cao tính công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân trong tiếp cận thông tin, phản ánh tình hình an ninh, trật tự và thực hiện các thủ tục hành chính.

Bài học và điều kiện nhân rộng: Hiệu quả khi dữ liệu được chuẩn hóa và có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị sử dụng. Có thể nhân rộng trong các cơ quan hành chính nhà nước có nhu cầu quản trị công việc tập trung. Rủi ro chủ yếu là chất lượng dữ liệu đầu vào và an toàn thông tin.

Vai trò người đứng đầu: Lãnh đạo Công an tỉnh trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng phần mềm, yêu cầu gắn kết quả thực hiện chỉ tiêu với công tác quản lý, đánh giá cán bộ và thi đua.

Đầu mối liên hệ: Công an tỉnh Lâm Đồng - Phòng Tham mưu (PV01).

10. Đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử gắn với khai thác dữ liệu dân cư

Vấn đề giải quyết: Người dân còn phải cung cấp nhiều loại giấy tờ; thời gian giải quyết thủ tục hành chính kéo dài; dữ liệu giữa các hệ thống chưa được khai thác hiệu quả.

Giải pháp thực hiện: Công an tỉnh đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; tăng cường khai thác, làm sạch dữ liệu dân cư bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”; triển khai đồng bộ việc kết nối, tái sử dụng dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Cơ chế, dữ liệu, hạ tầng sử dụng: Khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nền tảng VNeID, hệ thống dịch vụ công trực tuyến và hạ tầng dữ liệu chuyên ngành.

Nguồn lực, kinh phí, thời gian triển khai: Triển khai thường xuyên trong giai đoạn 2025-2026 gắn với Đề án 06 và nhiệm vụ chuyển đổi số ngành Công an.

Kết quả định lượng: Tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trong 05 tháng đầu năm 2026 đạt trên 98%; dữ liệu dân cư tiếp tục được cập nhật, làm sạch thường xuyên.

Tác động: Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính; nâng cao mức độ hài lòng của người dân; tăng hiệu quả quản lý nhà nước và cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Bài học và điều kiện nhân rộng: Cần bảo đảm dữ liệu nền đầy đủ, chính xác và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong chia sẻ dữ liệu. Mô hình có khả năng nhân rộng cao trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số. Rủi ro chủ yếu là an toàn dữ liệu và khả năng đồng bộ giữa các hệ thống.

Vai trò người đứng đầu: Lãnh đạo Công an tỉnh thường xuyên chỉ đạo kiểm tra tiến độ triển khai Đề án 06, trực tiếp đôn đốc công tác làm sạch dữ liệu và giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến.

Đầu mối liên hệ: Công an tỉnh Lâm Đồng - Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (PC06).

11. Triển khai mô hình “Tôi làm Công an xã” gắn với phong trào “Bình dân học vụ số”

Vấn đề giải quyết: Sau sáp nhập đơn vị hành chính và triển khai chính quyền địa phương 02 cấp, nhiều địa bàn cơ sở còn thiếu nhân lực hỗ trợ chuyển đổi số; kỹ năng số của một bộ phận người dân, nhất là tại vùng sâu, vùng xa còn hạn chế, gây khó khăn trong tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử và các tiện ích số.

Giải pháp thực hiện: Tiếp nối kết quả đợt 1 mô hình “Tôi làm Công an xã”, ngày 18/5/2026, Công an tỉnh tổ chức Lễ phát động triển khai đợt 2 mô hình “Tôi làm Công an xã” gắn với phong trào “Bình dân học vụ số” từ ngày 18/5/2026 đến ngày 18/8/2026. Theo đó, 224 cán bộ, chiến sĩ được tăng cường về Công an cơ sở để trực tiếp hỗ trợ triển khai Đề án 06, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cài đặt và kích hoạt tài khoản định danh điện tử, sử dụng ứng dụng VNeID; đồng thời phổ cập kỹ năng số cơ bản, kỹ năng bảo vệ thông tin cá nhân trên không gian mạng cho người dân thông qua nền tảng “Bình dân học vụ số”.

Cơ chế, hạ tầng, nền tảng sử dụng: Triển khai trên cơ sở Đề án 06 của Chính phủ, phong trào “Bình dân học vụ số”; sử dụng nền tảng VNeID, nền tảng

“Bình dân học vụ số”, hệ thống dịch vụ công trực tuyến và lực lượng Công an cơ sở làm nòng cốt hỗ trợ người dân tiếp cận các tiện ích số.

Nguồn lực, kinh phí, thời gian triển khai: Triển khai từ ngày 18/5/2026 đến ngày 18/8/2026 bằng nguồn lực cán bộ, chiến sĩ Công an tỉnh và kinh phí thực hiện Đề án 06, chuyển đổi số.

Kết quả định lượng: 224 cán bộ, chiến sĩ được tăng cường về cơ sở; hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, cài đặt định danh điện tử, sử dụng VNeID và phổ cập kỹ năng số tại các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh.

Tác động: Góp phần thúc đẩy chuyển đổi số từ cơ sở; nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho người dân; tăng khả năng tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số; phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng Công an trong triển khai Đề án 06 và xây dựng xã hội số trên địa bàn tỉnh.

Bài học và điều kiện nhân rộng: Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng Công an, chính quyền cơ sở và các tổ công nghệ số cộng đồng; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp để người dân dễ tiếp cận và sử dụng các nền tảng số. Mô hình có thể nhân rộng tại các địa bàn còn khó khăn về kỹ năng số và tiếp cận công nghệ.

Vai trò người đứng đầu: Lãnh đạo Công an tỉnh trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức lễ phát động, phân công lực lượng và kiểm tra, đôn đốc quá trình triển khai tại cơ sở.

Đầu mối liên hệ: Công an tỉnh Lâm Đồng.

(Phụ lục XIII kèm theo)

II. BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

Về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Kinh nghiệm của Trung Quốc, Ấn Độ cho thấy cần ưu tiên đào tạo nhân lực công nghệ, AI, dữ liệu số và tăng cường liên kết viện - trường - doanh nghiệp. Đây là yêu cầu cấp thiết đối với Lâm Đồng trong bối cảnh còn thiếu chuyên gia đầu ngành và nhân lực công nghệ cao phục vụ chuyển đổi số, nông nghiệp công nghệ cao và đổi mới sáng tạo.

Về phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo: Kinh nghiệm của Hàn Quốc, Trung Quốc cho thấy cần hình thành hệ sinh thái gắn kết giữa Nhà nước - nhà khoa học - doanh nghiệp. Do đó, tỉnh đang từng bước thúc đẩy mô hình hợp tác “3 nhà”, xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn và nghiên cứu hình thành Khu công nghệ cao Bình Thuận.

Về chuyển đổi số với nguồn lực hợp lý: Kinh nghiệm của Ấn Độ cho thấy việc sử dụng nền tảng số dùng chung, dữ liệu dùng chung và định danh số giúp tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả quản trị. Do đó, tỉnh đang đẩy mạnh ứng dụng VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt, bệnh án điện tử, trợ lý AI hỗ trợ điều hành và giải quyết thủ tục hành chính tại cơ sở.

Về thương mại hóa kết quả nghiên cứu: Kinh nghiệm quốc tế cho thấy cần gắn nghiên cứu với thị trường và bảo hộ tài sản trí tuệ. Do đó, tỉnh đã triển khai Công kết nối cung - cầu công nghệ, hỗ trợ bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho

các sản phẩm đặc trưng như “Cà phê Lâm Đồng”, “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành”, góp phần nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm địa phương.

Phần 3

MỘT SỐ NỘI DUNG CHƯA THỰC CHẤT, ĐIỂM NGHẼN

I. CÁC NỘI DUNG CÒN HÌNH THỨC, CHƯA THỰC CHẤT

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số nội dung, nhiệm vụ đã hoàn thành về mặt thủ tục, văn bản, kế hoạch hoặc tổ chức triển khai nhưng hiệu quả thực tiễn chưa rõ nét. Một số cơ chế, chính sách, chương trình, đề án mới dừng ở việc ban hành và tổ chức thực hiện bước đầu, chưa được lượng hóa đầy đủ bằng các chỉ số đầu ra và tác động thực tế. Việc xây dựng khung kiến trúc dữ liệu, khung quản trị dữ liệu, các nền tảng số dùng chung đã hoàn thành nhưng hiệu quả khai thác, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu còn hạn chế. Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai rộng khắp song mức độ chuyên biến về kỹ năng số của người dân giữa các địa bàn chưa đồng đều. Các chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo đã được triển khai nhưng chưa hình thành nhiều sản phẩm công nghệ có khả năng thương mại hóa hoặc nhân rộng. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn thấp, chưa phản ánh đầy đủ hiệu quả của công tác số hóa quy trình và cung cấp dịch vụ công trên môi trường số.

II. NHỮNG TỒN TẠI, ĐIỂM NGHẼN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Những tồn tại, điểm nghẽn

1.1. Về thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị

Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 02-CTr/BCĐTW và các văn bản hướng dẫn triển khai chưa phân định cụ thể chỉ tiêu thuộc trách nhiệm thực hiện của bộ, ngành Trung ương, chỉ tiêu thuộc trách nhiệm của địa phương hoặc chỉ tiêu thực hiện theo cơ chế phối hợp. Do đó, trong quá trình tổ chức thực hiện, địa phương gặp khó khăn trong việc xác định phạm vi trách nhiệm, xây dựng kế hoạch thực hiện và đánh giá kết quả hoàn thành.

Một số chỉ tiêu chưa có định nghĩa, khái niệm hoặc hướng dẫn thống nhất về phương pháp xác định, cách tính toán, nguồn số liệu và cơ quan chịu trách nhiệm thống kê, dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau giữa các địa phương.

Đặc biệt đối với các chỉ tiêu được xác định theo tỷ lệ (%), hiện nay còn nhiều khó khăn trong việc xác định mẫu số và phương pháp tính. Ví dụ như các chỉ tiêu về: Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo; Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D); Tỷ lệ sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

1.2.2. Nhiều điểm nghẽn về nhân lực, hạ tầng số, dữ liệu chưa được tháo gỡ kịp thời, thách thức hiện nay vẫn nằm ở khâu tổ chức thực hiện, chưa khắc phục các hạn chế chủ yếu

Hạ tầng số, trang thiết bị đầu cuối ở cấp xã còn nhiều khó khăn, thiếu đồng bộ.

Nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh hiện còn thiếu, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Việc phát triển xây dựng dữ liệu chuyên ngành của các sở, ngành còn chậm.

1.2.3. Một số điểm nghẽn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Sàn giao dịch công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ: Tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng và đưa vào vận hành Cổng thông tin kết nối cung - cầu khoa học và công nghệ; tuy nhiên nhân lực hoạt động trong lĩnh vực môi giới, tư vấn, định giá và chuyên gia công nghệ còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong giai đoạn mới.

Trung tâm đổi mới sáng tạo và cơ sở ươm tạo công nghệ: Việc đầu tư phát triển các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo còn gặp khó khăn do nguồn lực đầu tư hạn chế, thiếu các doanh nghiệp dẫn dắt hệ sinh thái và các tổ chức trung gian hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

Sở hữu trí tuệ và tài sản trí tuệ: Công tác khai thác, thương mại hóa các tài sản trí tuệ đã được bảo hộ, đặc biệt là chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận và nhãn hiệu tập thể còn hạn chế; việc gắn kết giữa tổ chức quản lý quyền sở hữu trí tuệ với doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, chế biến và xuất khẩu chưa chặt chẽ. Nhiều sản phẩm đặc sản địa phương đã được bảo hộ nhưng giá trị gia tăng từ tài sản trí tuệ mang lại chưa tương xứng với tiềm năng.

Hợp tác “3 nhà”: Liên kết nhà nước - viện, trường - doanh nghiệp còn chưa chặt chẽ; nhu cầu đặt hàng nghiên cứu từ doanh nghiệp còn ít, số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp chưa nhiều; việc hình thành các chuỗi hợp tác nghiên cứu, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ còn hạn chế.

Việc hỗ trợ doanh nghiệp theo Chương trình năng suất và chất lượng được thực hiện dưới hình thức nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp được hỗ trợ qua chi phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Việc hỗ trợ các doanh nghiệp dưới dạng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thường mất nhiều thời gian, chưa linh hoạt, dễ gây chậm trễ cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ, dẫn đến nhiều doanh nghiệp đã/sẽ bỏ qua việc hỗ trợ từ nhà nước do thời gian thực hiện không phù hợp yêu cầu của doanh nghiệp. Ngoài ra, việc hỗ trợ dưới dạng nhiệm vụ khoa học công nghệ đối với các nội dung đã có sẵn căn cứ giá trị hợp đồng làm phát sinh các bước trung gian không cần thiết, kéo dài thời gian xử lý hồ sơ và có thể làm giảm hiệu quả của chính sách hỗ trợ trong bối cảnh doanh nghiệp cần đẩy nhanh tiến độ sản xuất, kinh doanh

Công nghệ chiến lược: Việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công nghệ chiến lược mới đang trong giai đoạn xây dựng cơ chế, rà soát nhu cầu và chuẩn bị điều kiện thực hiện; số lượng doanh nghiệp trên địa bàn có khả năng nghiên cứu, sản xuất hoặc làm chủ các sản phẩm công nghệ chiến lược còn ít.

2. Nguyên nhân

Hành lang pháp lý và cơ chế chính sách chưa thực sự đồng bộ: Mặc dù Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Chuyên gia công nghệ năm 2025 và các nghị định hướng dẫn đã được ban hành, song một số quy định mới về đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, công nghệ chiến lược, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ đang trong giai đoạn hoàn thiện hoặc chưa có hướng dẫn chi tiết. Điều này ảnh hưởng đến việc triển khai các mô hình mới như trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, cơ chế đặt hàng và mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược.

Nguồn lực đầu tư cho hạ tầng đổi mới sáng tạo, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở ươm tạo công nghệ, nền tảng kết nối cung - cầu công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ đòi hỏi nguồn lực lớn, đầu tư dài hạn; việc huy động nguồn lực xã hội hóa còn gặp nhiều khó khăn.

Hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ còn gặp nhiều khó khăn: Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học, sáng chế, giải pháp hữu ích và tài sản trí tuệ đã được bảo hộ nhưng chưa được khai thác hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh; năng lực quản trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu cộng đồng còn hạn chế.

Liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo chưa chặt chẽ: Sự kết nối giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và các tổ chức trung gian còn hạn chế; cơ chế phối hợp trong nghiên cứu, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ chưa thực sự hiệu quả.

Đối với công nghệ chiến lược, đây là lĩnh vực mới được triển khai theo chủ trương của Trung ương; hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ đang trong quá trình hoàn thiện; trên địa bàn tỉnh chưa có nhiều doanh nghiệp có năng lực nghiên cứu, sản xuất hoặc ứng dụng các sản phẩm công nghệ chiến lược, dẫn đến việc triển khai còn ở giai đoạn chuẩn bị và hình thành thị trường.

Phần 4

NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VÀ MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ

Một số nội dung nổi bật của Nghị quyết số 57-NQ/TW đóng góp cho mục tiêu tăng trưởng hai con số của tỉnh Lâm Đồng:

1. Phát triển hạ tầng số và kết nối số toàn diện

Cơ chế tác động đến tăng trưởng: Tỉnh tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng viễn thông và trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số. Đến nay đã triển khai 45/112 vị trí xây dựng mới hoặc tối ưu vùng phủ sóng BTS; tỷ lệ phủ sóng 5G đạt khoảng 86%; 102/124 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã đã được nâng cấp đường truyền Internet tốc độ tối thiểu 1Gb/s.

Tác động đến năng suất: Giúp nâng cao hiệu quả điều hành, giảm chi phí giao dịch, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và thương mại điện tử.

Tác động đến TFP: Hạ tầng số và dữ liệu số cho phép khai thác hiệu quả hơn các nguồn lực hiện có, nâng cao năng suất các nhân tố tổng hợp.

Thu hút vốn tư nhân: Tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp công nghệ, viễn thông, thương mại điện tử và logistics đầu tư trên địa bàn.

Chuỗi giá trị và thị trường: Mở rộng khả năng kết nối thị trường, thúc đẩy kinh tế số, đặc biệt trong nông nghiệp, du lịch và dịch vụ.

2. Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu

Cơ chế tác động đến tăng trưởng:

Thông qua việc triển khai 103 nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh, nhiều kết quả nghiên cứu, quy trình công nghệ và giải pháp kỹ thuật mới được tạo ra, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Hoạt động chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, hình thành các sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tạo động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế địa phương.

Tác động đến năng suất:

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ giúp nâng cao năng suất lao động, năng suất cây trồng, vật nuôi; giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng; nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả quản lý trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp chế biến, du lịch và dịch vụ.

Tác động đến TFP:

Đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và thương mại hóa kết quả nghiên cứu góp phần gia tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, lao động và tài nguyên; chuyển dần mô hình tăng trưởng từ dựa vào các yếu tố đầu vào sang dựa vào tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Thu hút vốn tư nhân:

Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng và chuyển giao thành công tạo cơ sở khoa học, giảm thiểu rủi ro đầu tư, nâng cao niềm tin của doanh nghiệp; qua đó khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, chế biến sâu và các lĩnh vực có hàm lượng khoa học công nghệ cao.

Chuỗi giá trị và thị trường:

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ góp phần nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh và giá trị gia tăng của sản phẩm; thúc đẩy phát triển các chuỗi giá trị từ nghiên cứu, sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; tăng khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn thị trường trong nước và quốc tế, mở rộng thị trường và nâng cao giá trị xuất khẩu của các sản phẩm chủ lực địa phương.

3. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và thị trường khoa học công nghệ

Cơ chế tác động đến tăng trưởng: Hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

Tác động đến năng suất: Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất.

Tác động đến TFP: Toàn tỉnh hiện có 57 tổ chức khoa học và công nghệ, 16 doanh nghiệp khoa học và công nghệ; đã thẩm định công nghệ cho 92 dự án đầu tư và khảo sát năng lực công nghệ của 54 doanh nghiệp.

Doanh nghiệp công nghệ hình thành: Vận hành Cổng thông tin kết nối cung - cầu công nghệ tỉnh Lâm Đồng; hỗ trợ kết nối cho 08 tổ chức, doanh nghiệp và đã có 04 thỏa thuận chuyển giao công nghệ được ký kết.

Chuỗi giá trị và thị trường: Góp phần đưa công nghệ mới vào sản xuất, nâng cao hàm lượng khoa học công nghệ trong sản phẩm địa phương.

4. Phát triển du lịch thông minh và kinh tế số

Cơ chế tác động đến tăng trưởng: Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý, quảng bá, thanh toán và cung cấp dịch vụ du lịch.

Tác động đến năng suất: Nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng du lịch, giảm chi phí vận hành và tăng khả năng tiếp cận khách hàng.

Tác động đến TFP: Gia tăng giá trị tạo ra trên cùng hệ thống cơ sở vật chất hiện có thông qua quản trị thông minh và khai thác dữ liệu.

Thu hút vốn tư nhân: Tạo điều kiện thu hút đầu tư vào du lịch chất lượng cao, du lịch thông minh và các nền tảng số phục vụ du lịch.

Thị trường đầu ra: Mở rộng khả năng tiếp cận trực tiếp khách du lịch trong nước và quốc tế thông qua các nền tảng số.

5. Chuyển đổi số trong quản trị công và cải cách hành chính

Cơ chế tác động đến tăng trưởng: Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, khai thác dữ liệu dân cư và triển khai Đề án 06.

Tác động đến năng suất: Giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

Tác động đến TFP: Nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước, giảm chi phí giao dịch của nền kinh tế.

Thu hút vốn tư nhân: Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao tính minh bạch và khả năng dự báo của chính quyền.

Kết quả nổi bật: 100% thủ tục hành chính có nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; thanh toán viện phí không dùng tiền mặt đạt 72,9% tổng chi phí; hạ tầng số cấp xã tiếp tục được đầu tư đồng bộ với kế hoạch đầu tư khoảng 219 tỷ đồng giai đoạn 2026-2030.

Phần 5

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tập trung triển khai hiệu quả các nhiệm vụ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh năm 2026 theo Kế hoạch số 22-KH/TU, ngày 14/01/2026 và Kế hoạch số 44-KH/TU ngày 13/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 3450/KH-UBND ngày 17/3/2026 của UBND tỉnh và các văn bản của Trung ương, Chính phủ đảm bảo 6 rõ (*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền*).

2. Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện thể chế, chính sách của tỉnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Thúc đẩy phát triển công dân số thông qua triển khai mạnh mẽ phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với việc hỗ trợ người dân học tập suốt đời trên nền tảng số; phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ người dân tiếp cận và khai thác có hiệu quả, an toàn đối với các nền tảng, dịch vụ số; tăng cường kiến thức và kỹ năng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong học sinh, sinh viên. Triển khai các kế hoạch phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho cán bộ, công chức, viên chức.

4. Bố trí nguồn lực phù hợp để triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án triển khai trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tỷ lệ chi cho các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định.

5. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, triển khai các nền tảng, ứng dụng dùng chung từ Trung ương đến địa phương, đảm bảo vận hành ổn định, thông suốt trong các cơ quan hệ thống chính trị. Phối hợp chặt chẽ với Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai bảo mật mạng diện rộng tại các cơ quan đảng cấp tỉnh và cấp xã đảm bảo việc gửi nhận văn bản mật thông suốt, ổn định.

6. Rà soát, đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, các nền tảng, ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hoạt động trong các cơ quan của hệ thống chính trị, trong đó tập trung đẩy nhanh tiến độ nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC).

7. Xây dựng, ban hành, triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số. Xây dựng Chính quyền số hoạt động dựa trên dữ liệu và công nghệ số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công chất lượng cao. Kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu. Xã hội số phát triển văn minh, an toàn, bao trùm. Đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên cơ sở dữ liệu thời gian thực, nhất là Bộ chỉ số phục vụ người dân và

doanh nghiệp trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

8. Tiếp tục triển khai hoàn thành các nhiệm vụ Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng theo lộ trình. Triển khai đề án triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, tài liệu phục vụ việc triển khai trên môi trường số, phấn đấu thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, tài liệu 100% trong năm 2026.

9. Tiếp tục cập nhật, triển khai có hiệu quả Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Trong đó, ưu tiên xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và ứng dụng chuyên ngành để hình thành cơ sở dữ liệu thống nhất, chia sẻ dùng chung, hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; tránh tình trạng cát cứ dữ liệu trong mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương; liên thông, tích hợp với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đảm bảo theo các quy định, quy chuẩn, hướng dẫn của bộ, ngành chủ quản.

10. Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, tập trung triển khai đánh giá trình độ và năng lực công nghệ cho các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh, hỗ trợ và thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh, phát triển tài sản sở hữu trí tuệ. Chú trọng các đề tài nghiên cứu có giá trị ứng dụng cao, đặc biệt là đánh giá đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế. Thúc đẩy hình thành và phát triển có hiệu quả trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của tỉnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

11. Tăng cường hợp tác quốc tế, và các viện, trường trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; vận hành và phát triển có hiệu quả trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của tỉnh. Nghiên cứu triển khai nội dung hợp tác về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược nhằm thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với việc tăng trưởng 02 con số trong năm 2026.

12. Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện đảm bảo chỉ tiêu nhóm tiện ích giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo mục tiêu cụ thể quy định trong Đề án 06; đảm bảo thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021.

13. Tiếp tục quán triệt thực hiện các quy định về bảo đảm an ninh, an toàn trong việc quản lý, sử dụng, khai thác hệ thống thông tin và dữ liệu từ cấp tỉnh đến cấp xã; duy trì, phát huy hiệu quả Tổ an ninh mạng, an toàn thông tin thực hiện Đề án 06, thường xuyên kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn công tác quản lý, sử dụng, công tác đảm bảo an ninh, an toàn các hệ thống, thiết bị và phần mềm phục vụ triển khai Đề án 06 theo các kế hoạch, văn bản đã ban hành.

14. Đẩy mạnh công tác số hóa, làm sạch dữ liệu phục vụ xác thực, chuẩn hóa dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu khác phục vụ hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị với Chính phủ

Hiện nay, một số Bộ, ngành chưa có hướng dẫn về chuẩn hóa cơ sở dữ liệu chuyên ngành thống nhất từ Trung ương đến địa phương¹³ hoặc chưa xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ Nghị quyết số 71/NQ-CP, dẫn đến chưa có cơ sở để xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành tại tỉnh đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Trung ương, gây khó khăn cho việc kết nối, chia sẻ dữ liệu. Do đó, kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành (Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ...) sớm có hướng dẫn về khung cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia (đất đai, bảo hiểm, tài chính, thuế...) để địa phương khai thác hiệu quả.

2. Kiến nghị với Văn phòng Trung ương Đảng

Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp; khắc phục kịp thời các lỗi phần mềm phát sinh, tăng khả năng liên thông, đồng bộ dữ liệu.

Sớm chuyên giao phần mềm số hóa, quản lý tài liệu số hóa (*phiên bản chính thức*) cho Tỉnh ủy Lâm Đồng cài đặt, sử dụng một cách đồng bộ, thống nhất, hiệu quả.

3. Kiến nghị với Ban Tổ chức Trung ương Đảng

Sớm nâng cấp các phần mềm cơ sở dữ liệu đảng viên, sổ tay đảng viên và khắc phục lỗi phần mềm thực hiện thủ tục hành chính trong Đảng trên Cổng dịch vụ công.

4. Kiến nghị với Bộ Khoa học và Công nghệ

Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở cả cấp tỉnh và cấp cơ sở hoặc hướng dẫn khung đào tạo, bồi dưỡng để địa phương chủ động triển khai.

Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế sandbox đối với các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.

Ban hành Chương trình về phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2026-2030, Chương trình về phát triển tài sản trí tuệ và kế hoạch phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn 2026-2030 và các Thông tư hướng dẫn Nghị định 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.

¹³ - Các CSDL theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ chưa thống nhất danh mục trường thông tin đồng bộ về CSDL tổng hợp quốc gia của các Bộ Nội vụ (06 CSDL); Bộ Xây dựng (04 CSDL); Bộ Tài chính (03 CSDL); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (03 CSDL); Bộ Công an (02 CSDL); Bộ Dân tộc và Tôn giáo (02 CSDL); Bộ Ngoại giao (01 CSDL); Bộ Giáo dục và Đào tạo (01 CSDL):

- 02 CSDL quốc gia (An sinh xã hội - Bộ Nội vụ, Xử lý vi phạm hành chính - Bộ Công an (chuyển từ Bộ Tư pháp tháng 12/2025, hạn hoàn thành tháng 12/2026)) chưa có nền tảng (theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW)

- CSDL Xây dựng - Bộ Xây dựng, Quốc gia về Y tế - Bộ Y tế, Kiểm soát thu nhập tài sản - Thanh tra Chính phủ, Ngành Nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Môi trường) mặc dù đã có nền tảng, hệ thống chưa có giải pháp kỹ số, chứng thư số công vụ, chưa kết nối, đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia;

Hướng dẫn cụ thể về cơ chế tổ chức, quản lý và vận hành sàn giao dịch công nghệ; cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng; cơ chế thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao; phương pháp xác định, đặt hàng và tổ chức giải quyết các bài toán lớn của ngành, lĩnh vực và địa phương.

5. Kiến nghị Bộ Công an

Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về công tác quản lý nhà nước đối với an toàn thông tin mạng cho cán bộ, chiến sĩ Công an các địa phương; trong đó ưu tiên nội dung tập huấn về kỹ thuật, công nghệ, công cụ giám sát, phát hiện và xử lý sự cố an ninh mạng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ban hành hướng dẫn cụ thể về triển khai công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin đối với Công an cấp xã.

Đề nghị Bộ Công an phối hợp với Bộ Tài chính tham mưu Chính phủ ban hành quy định cụ thể về cơ chế bố trí kinh phí cho nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng, bảo đảm phù hợp với thực tiễn sau khi chuyên giao nhiệm vụ này về Bộ Công an; đồng thời tạo cơ sở pháp lý để địa phương chủ động trong việc lập dự toán, đầu tư, mua sắm, duy trì và gia hạn các hệ thống, phần mềm phục vụ công tác.

Ban hành danh mục thống nhất các phần mềm, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng, làm cơ sở để các địa phương triển khai đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc; tăng cường công tác hướng dẫn, hỗ trợ địa phương, đặc biệt là hướng dẫn chuyên sâu việc triển khai thực hiện các Thông tư, văn bản dưới Luật nhằm bảo đảm thi hành hiệu quả Luật An ninh mạng; khẩn trương rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy trình, quy chế liên quan, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, thống nhất để tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng.

6. Kiến nghị với Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, ban hành hoặc hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục xây dựng các trạm BTS trên đất rừng; tạo cơ sở pháp lý thống nhất để địa phương và doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác đầu tư, xây dựng hạ tầng viễn thông tại khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và các khu vực còn lấm sóng di động.

7. Kiến nghị với Tập đoàn điện lực Việt Nam

Quan tâm, bố trí nguồn vốn và tổ chức đầu tư hạ tầng điện nhằm bảo đảm cung cấp điện cho các trạm BTS theo Kế hoạch triển khai khắc phục các khu vực lấm sóng di động trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong năm 2026, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và công tác phòng, chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ.

(Phụ lục XIV kèm theo)

Trên đây là báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị sau 01 năm 06 tháng triển khai trên địa bàn tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh

Lâm Đồng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số báo cáo Văn phòng Trung ương Đảng.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- Thường trực Tỉnh ủy (*báo cáo*),
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các đồng chí thành viên BCĐ tỉnh (*Quyết định số 100-QĐ/TU, Quyết định số 258-QĐ/TU*),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, PCDS-CY.

ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ
kiêm
PHÓ TRƯỞNG BAN
THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ ĐẠO

Nguyễn Khắc Bình